

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



ISO 9001:2008

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH : KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hương Trang**  
**Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN  
VỚI VIỆC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CÔNG NỢ TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI  
HOÀNG SƠN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hương Trang  
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Nguyễn Đức Kiên**

**HẢI PHÒNG - 2013**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Hương Trang Mã SV: 1113401054  
Lớp: QTL502K Ngành: Kế toán – Kiểm toán  
Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

**1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp ( về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).**

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán **thanh toán** trong doanh nghiệp
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán **thanh toán tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán **thanh toán tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**

**2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.**

- Số liệu về tình hình kinh doanh **của công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn** trong 3 năm gần đây
- Số liệu về thực trạng kế toán **thanh toán tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**

**3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp: Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Đức Kiên**

Học hàm, học vị: **Thạc sỹ**

Cơ quan công tác: **Trường Đại học Dân lập Hải Phòng**

### Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp cấp cử nhân
- Định hướng cách hệ thống hoá những vấn đề lý luận cơ bản về kế toán **thanh toán** trong doanh nghiệp
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán **thanh toán tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên: .....

Học hàm, học vị: .....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn: .....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày **25** tháng **03** năm **2013**

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày **30** tháng **06** năm **2013**

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

**Ths. Nguyễn Đức Kiên**

*Hải Phòng, ngày ..... tháng ..... năm 2013*

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

# MỤC LỤC

## MỤC LỤC

### DANH MỤC BẢNG BIỂU

### DANH MỤC SƠ ĐỒ

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI VIỆC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CÔNG NỢ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>3</b>
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán .....	3
1.1.1. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt.....	3
1.1.2. Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.....	3
1.1.2.1. Phương thức thanh toán bằng ủy nhiệm thu (chi).....	3
1.1.2.2. Phương thức chuyển tiền (Remittance).....	4
1.1.2.3. Phương thức thanh toán nhờ thu (Collection of payment).....	4
1.1.2.4. Phương thức tín dụng chứng từ.....	5
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua ( khách hàng) .....	7
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua.....	7
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.....	7
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	7
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....	7
1.2.2.3. Sổ sách sử dụng.....	8
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua .....	9
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán ( nhà cung cấp).....	10
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán.....	10
1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.....	10
1.3.2.1 Chứng từ sử dụng.....	10
1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.....	10

1.3.2.3. Sổ sách sử dụng.....	11
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán .....	12
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.....	12
1.4.1. Tỷ giá và quy định về sử dụng tỷ giá trong kế toán.....	12
1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua người bán có liên quan đến ngoại tệ.....	13
1.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán.....	15
1.5.1. Hình thức nhật kí chung.....	15
1.5.2. Hình thức nhật kí – sổ cái .....	16
1.5.3. Hình thức chứng từ - ghi sổ .....	17
1.5.4. Hình thức nhật kí chứng từ .....	18
1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính .....	19
1.6. Phân tích tình hình tài chính thông qua phân tích tình hình nhu cầu và khả năng thanh toán của doanh nghiệp. ....	20
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI VIỆC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN.....</b>	<b>22</b>
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán các khoản thanh toán tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn.....	22
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn.....	22
2.1.2. Đặc điểm các mặt hàng sản xuất, kinh doanh và lưu chuyển hàng tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn.....	24
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn.....	24
2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn.....	26
2.1.5. Đặc điểm về đối tượng thanh toán, phương thức và hình thức thanh toán tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn.....	28
2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua (khách hàng) tại Công ty	

Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn.....	30
2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua.....	30
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....	30
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng.....	30
2.2.1.3. Sổ sách sử dụng.....	31
2.2.2. Kế toán tổng hợp và chi tiết thanh toán với người mua.....	31
2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp) tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn.....	58
2.3.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.....	58
2.3.1.1. Chứng từ sử dụng.....	58
2.3.1.2. Tài khoản sử dụng.....	58
2.3.1.3. Sổ sách sử dụng.....	59
2.3.2. Kế toán tổng hợp và chi tiết thanh toán với người bán.....	59
2.4. Thực trạng phân tích tình hình tài chính thông qua phân tích tình hình, nhu cầu và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.....	77
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI VIỆC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN.....</b>	<b>79</b>
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng tại công ty Cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.....	79
3.1.1. Ưu điểm.....	79
3.1.2. Hạn chế.....	81
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.....	81
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.....	82



3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn..	84
3.4.1. Kiến nghị 1: Việc tin học hóa công tác kế toán .....	84
3.4.2. Kiến nghị 2: Về dự phòng phải thu khó đòi.....	85
3.4.3 Kiến nghị 3: Về công tác phân tích nợ.....	88
3.4.4. Kiến nghị 4: Về biện pháp quản lý, thu hồi nợ phải thu. ....	91
3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn. ....	91
3.5.1. Về phía Nhà nước. ....	91
3.5.2. Về phía Doanh nghiệp.....	92
<b>KẾT LUẬN</b> .....	93

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính .....	23
BIỂU 2.2. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0000452 .....	33
BIỂU 2.3. TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG .....	34
BIỂU 2.4. SỔ CÁI TK 131 .....	36
BIỂU 2.5. SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA.....	37
BIỂU 2.6. GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK.....	38
BIỂU 2.7. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0000453 .....	40
BIỂU 2.8. SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA.....	42
BIỂU 2.9. GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK.....	43
BIỂU 2.10. SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA.....	45
BIỂU 2.11. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0000454 .....	47
BIỂU 2.12. SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA.....	49
BIỂU 2.13. GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK.....	50
BIỂU 2.14. GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK.....	51
BIỂU 2.15. BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG....	53
BIỂU 2.16. BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN .....	54
BIỂU 2.17. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN .....	56
BIỂU 2.18. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0001245 .....	61
BIỂU 2.19. TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG .....	62
BIỂU 2.20. TRÍCH SỔ CÁI TK 331 .....	64
BIỂU 2.21. SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN.....	65
BIỂU 2.22. ỦY NHIỆM CHI SỐ 003 .....	66
BIỂU 2.23. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0001625 .....	67
BIỂU 2.24. PHIẾU NHẬP KHO SỐ 001 .....	68
BIỂU 2.25. SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN.....	70
BIỂU 2.26. ỦY NHIỆM CHI SỐ 005 .....	71
BIỂU 2.27. ỦY NHIỆM CHI SỐ 006 .....	72
BIỂU 2.28. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0000436.....	73
BIỂU 2.29. SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN.....	75
BIỂU 2.30. BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN.....	76
BIỂU 2.31. BẢNG TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU PHẢN ẢNH TÌNH HÌNH THANH TOÁN.....	77

## **DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với khách hàng .....	9
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán nghiệp vụ thanh toán với nhà cung cấp.....	12
Sơ đồ 1.3. Trình tự hạch toán thanh toán với người mua bằng ngoại tệ.....	14
Sơ đồ 1.4. Trình tự hạch toán thanh toán với người bán bằng ngoại tệ.....	15
Sơ đồ 1.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung.....	16
Sơ đồ 1.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - sổ cái.....	17
Sơ đồ 1.8. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	18
Sơ đồ 1.9. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký-chứng từ.....	19
Sơ đồ 1.10. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán Trên máy vi tính. ....	20
<b>SƠ ĐỒ 2.1. BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN .....</b>	<b>24</b>
<b>SƠ ĐỒ 2.2. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN.....</b>	<b>26</b>
<b>SƠ ĐỒ 2.3. TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN.....</b>	<b>27</b>
<b>SƠ ĐỒ 2.4. TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN CÔNG NỢ THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN.....</b>	<b>28</b>
<b>SƠ ĐỒ 2.5 QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA .....</b>	<b>31</b>
<b>SƠ ĐỒ 2.6 QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN .....</b>	<b>60</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

### ***1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.***

Trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp luôn luôn phát sinh việc thu chi và thanh toán. Các khoản phải thu, phải trả cần phải có một khoảng thời gian nhất định mới thanh toán được. Người quản lý không chỉ quan tâm tới doanh thu, chi phí, lợi nhuận, cái mà họ cần phải thường xuyên nắm bắt được tình hình tài chính trong đó có tình hình thanh toán, khả năng trả nợ.

Tình hình tài chính của doanh nghiệp thể hiện tình trạng hay thực trạng tài chính của doanh nghiệp tại một thời điểm, phản ánh kết quả của toàn bộ các hoạt động mà doanh nghiệp tiến hành. Tình hình tài chính của doanh nghiệp thể hiện sự tồn tại cũng như nỗ lực của doanh nghiệp trên mọi mặt hoạt động. Phải xem xét tài chính để có thể tham gia ký kết các hợp đồng, có đủ khả năng thanh toán đảm bảo an toàn và hiệu quả cho doanh nghiệp. Và Nghiệp vụ thanh toán xảy ra ở cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ, nó có liên quan mật thiết với các nghiệp vụ quỹ và nghiệp vụ tạo vốn.

Để bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp phục vụ tốt quá trình kinh doanh thì kế toán phải cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình và khả năng thanh toán của doanh nghiệp trên cơ sở đó nhà quản lý kinh tế phải có những biện pháp giải quyết tốt tình hình công nợ.

Như vậy, có thể nói các nghiệp vụ thanh toán có một ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt động của doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Sau quá trình học tập và nghiên cứu ở trường được trang bị các kiến thức cơ bản và đặc biệt sau quá trình thực tập tại phòng kế toán của Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn, em đã chọn đề tài: ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn”*** làm đề tài tốt nghiệp. Trong đề tài khóa luận này em muốn tìm hiểu sâu hơn về các nghiệp vụ thanh toán, so sánh thực tế hạch toán tại Công ty với lý thuyết đã được học, với chế độ tài chính hiện

hành ở Việt Nam. Và thông qua các nghiệp vụ thanh toán để có cái nhìn tổng quát nhất về công tác kế toán tại Công ty, điều này xuất phát từ đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.

## **2. Mục đích nghiên cứu.**

- Nghiên cứu để làm rõ những nhận thức về việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán trong đó có:

+ Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với nhà cung cấp ( người bán);

+ Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với khách hàng ( người mua).

- Làm rõ thực trạng về công tác kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.

- Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.**

- Đề tài nghiên cứu các nghiệp vụ thanh toán với nhà cung cấp, với khách hàng tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.

## **4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài.**

- Phương pháp chung: bao gồm các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp phân tích kinh doanh (phương pháp so sánh, phương pháp liên hệ), phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu đã đạt được,...

- Phương pháp kỹ thuật trình bày: Kết hợp giữa mô tả với phân tích, giữa luận giải với bảng biểu sơ đồ.

## **5. Kết cấu khóa luận.**

- Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, khóa luận tốt nghiệp gồm có 3 chương:

Chương 1. Lý luận chung về kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ trong các doanh nghiệp.

Chương 2. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.

Chương 3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.

## **CHƯƠNG 1**

# **LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI VIỆC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CÔNG NỢ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP**

### **1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán**

Phương thức thanh toán là cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch, mua bán giữa các cá nhân, các đơn vị, các doanh nghiệp với nhau, hai bên đồng thời thống nhất phương thức thanh toán áp dụng cho giao dịch đó, chia ra làm hai nhóm cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

#### **1.1.1. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt**

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt là bên mua xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho bên bán khi nhận vật tư, hàng hóa, dịch vụ, chủ yếu áp dụng cho những giao dịch phát sinh số tiền nhỏ, nghiệp vụ đơn giản và khoảng cách địa lý giữa hai bên hợp. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt có thể chia thành:

- Thanh toán bằng Việt Nam đồng
- Thanh toán bằng ngoại tệ
- Thanh toán bằng hối phiếu ngân hàng
- Thanh toán bằng vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hoặc giấy tờ có giá trị như tiền.

#### **1.1.2. Phương thức thanh toán không dùng tiền mặt**

Phương thức thanh toán không bằng tiền mặt ngày càng được sử dụng phổ biến bởi tính tiết kiệm thời gian, chi phí cũng như giảm đáng kể lượng tiền trong lưu thông. Có thể kể ra đây một số loại phương thức thanh toán không dùng tiền mặt chủ yếu sau:

##### **1.1.2.1. Phương thức thanh toán bằng ủy nhiệm thu (chi)**

Phương thức thanh toán bằng ủy nhiệm thu (chi) thường được các doanh nghiệp sử dụng đối với các đối tượng có quan hệ mua bán với doanh nghiệp từ trước và trong cùng một Quốc gia, đây là phương thức thanh toán có thủ

tục đơn giản và tiện lợi cho doanh nghiệp. Theo hình thức này thì chủ tài khoản ủy nhiệm cho ngân hàng thu (chi) hộ với một đối tượng nào đó do doanh nghiệp chỉ định có tài khoản ở cùng ngân hàng hoặc khác ngân hàng.

Chứng từ thanh toán xuất hiện trong phương thức này gồm có: Ủy nhiệm thu (chi), Giấy báo Có (Nợ).

### **1.1.2.2. Phương thức chuyển tiền (Remittance)**

Phương thức chuyển tiền là phương thức thanh toán trong đó khách hàng (người trả tiền) yêu cầu Ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định cho một người khác (người thụ hưởng) ở một địa điểm nhất định bằng phương tiện chuyển tiền do khách hàng yêu cầu

Có 2 hình thức chuyển tiền: chuyển tiền bằng thư và chuyển tiền bằng điện do yêu cầu của khách hàng. Trong phương thức chuyển tiền, Ngân hàng chỉ là trung gian thực hiện việc thanh toán theo ủy nhiệm để hưởng thù tục phí và không bị ràng buộc gì cả. Việc trả tiền phụ thuộc vào thiện chí của người mua do đó nếu sử dụng phương thức này quyền lợi của người bán hàng không được đảm bảo vì vậy phương thức này thường được áp dụng với những khoản tiền nhỏ như thanh toán chi phí vận tải, bảo hiểm, tiền bồi thường... hoặc các trường hợp trả trước.

### **1.1.2.3. Phương thức thanh toán nhờ thu (Collection of payment)**

Phương thức nhờ thu là một phương thức thanh toán trong đó người bán sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hoặc cung ứng dịch vụ cho khách hàng sẽ ủy thác cho Ngân hàng phục vụ mình thu hộ tiền của người mua trên cơ sở hối phiếu do mình lập ra

- **Phương thức nhờ thu phiếu trơn (Clean collection):** là phương thức thanh toán mà trong đó người bán ủy thác cho Ngân hàng thu hộ tiền của người mua trên cơ sở hối phiếu do mình lập ra còn chứng từ gửi hàng thì gửi thẳng cho người mua không qua ngân hàng

Trường hợp áp dụng là 2 bên có sự tin tưởng tín nhiệm lẫn nhau như công ty mẹ - con, chi nhánh..., giá trị thanh toán nhỏ, thăm dò thị trường, hàng hóa ứ đọng khó tiêu, hoặc các thanh toán về dịch vụ...

**- Phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ (Documentary collection):**

là phương thức thanh toán trong đó người bán ủy thác cho Ngân hàng thu hộ tiền ở người mua không những căn cứ vào hối phiếu mà còn căn cứ vào bộ chứng từ gửi hàng kèm theo với điều kiện là nếu người mua trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền hối phiếu thì Ngân hàng mới trao bộ chứng từ gửi hàng cho người mua để nhận hàng

Trong phương thức thanh toán nhờ thu kèm chứng từ người bán ủy thác cho Ngân hàng thu hộ tiền còn kèm theo việc nhờ Ngân hàng không chế bộ chứng từ vận tải đối với người mua do đó quyền lợi của người bán được đảm bảo hơn.

**1.1.2.4. Phương thức tín dụng chứng từ**

Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thỏa thuận trong đó một ngân hàng mở thư tín dụng (Letter of Credit – L/C) theo yêu cầu của người mở thư tín dụng cam kết hay cho phép Ngân hàng khác chi trả hoặc chấp nhận hối phiếu cho một người ( người hưởng lợi tín dụng) trong phạm vi số tiền của thư tín dụng khi người này xuất trình cho ngân hàng bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định đề ra trong thư tín dụng. Các loại thư tín dụng:

– **Thư tín dụng không thể hủy bỏ (Irrevocable L/C):** là loại thư tín dụng mà sau khi đã được mở và người bán hàng thừa nhận thì Ngân hàng mở thư tín dụng không được sửa đổi, bổ sung hay hủy bỏ trong thời hạn hiệu lực của nó, trừ khi có thỏa thuận khác của các bên tham gia tín dụng.

– **Thư tín dụng có thể hủy bỏ (Revocable L/C):** là loại thư tín dụng mà Ngân hàng mở thư tín dụng và người mua hàng có thể hủy bỏ hoặc sửa đổi L/C trong thời hạn hiệu lực của L/C.

– **Thư tín dụng không thể hủy bỏ có xác nhận (Confirmed irrevocable L/C):** là loại thư tín dụng không thể hủy bỏ được một ngân hàng đảm bảo trả tiền thư tín dụng theo yêu cầu của ngân hàng mở thư tín dụng.

– **Thư tín dụng không thể hủy bỏ miễn truy đòi (Irrevocable without recourse L/C):** là loại thư tín dụng mà sau khi người bán đã được trả tiền thì Ngân hàng mở L/C không có quyền đòi lại tiền người bán trong bất cứ trường hợp nào.



– **Thư tín dụng chuyển nhượng (Transferable L/C):** là loại L/C không thể hủy bỏ, trong đó quy định quyền của người hưởng lợi thứ nhất có thể yêu cầu Ngân hàng mở L/C chuyển nhượng toàn bộ hay một phần quyền thực hiện L/C cho một hay nhiều người khác. L/C chuyển nhượng chỉ được chuyển nhượng một lần, chi phí chuyển nhượng do người hưởng lợi đầu tiên chịu.

– **Thư tín dụng tuần hoàn (Revolving L/C):** là loại L/C không thể hủy bỏ sau khi sử dụng xong hoặc đã hết thời gian hiệu lực thì nó lại tự động có giá trị như cũ, cứ như vậy cho đến khi tổng giá trị hợp đồng thực hiện xong. L/C tuần hoàn sử dụng trong trường hợp các bên tin cậy lẫn nhau, mua bán thường xuyên định kỳ, khối lượng hàng hóa lớn.

– **Thư tín dụng giáp lưng (Black to back L/C):** sau khi nhận được L/C do người mua hàng mở cho mình, người bán hàng dùng L/C này để thế chấp mở một L/C cho một người hưởng lợi khác hưởng với nội dung gần giống L/C ban đầu, L/C mở sau gọi là L/C giáp lưng. L/C giáp lưng có thể được sử dụng trong trường hợp mua bán có sử dụng trung gian.

– **Thư tín dụng đối ứng (Reciprocal L/C):** là loại L/C chỉ bắt đầu có hiệu lực khi L/C kia đối ứng nó đã được mở. L/C đối ứng thường được sử dụng trong phương thức mua bán đối hàng.

– **Thư tín dụng dự phòng (Stand-by L/C):** là loại L/C do người bán yêu cầu Ngân hàng của mình mở cho người mua hưởng, trong đó cam kết với người mua sẽ thanh toán lại cho họ trong trường hợp người bán không hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo L/C đề ra. Hiện nay thư tín dụng dự phòng được sử dụng rộng rãi để đảm bảo thanh toán cho các nghĩa vụ trên cơ sở bằng tiền cho vay hoặc ứng trước khi đến hạn hoặc đã mất khả năng thanh toán hoặc để đối phó với việc xảy ra hoặc không xảy ra một sự cố bất ngờ khác.

– **Thư tín dụng thanh toán dần về sau (Deferred payment L/C):** là loại L/C trả chậm từng phần, Ngân hàng mở L/C hoặc Ngân hàng xác nhận L/C cam kết với người hưởng lợi sẽ thanh toán dần toàn bộ số tiền của L/C trong một thời hạn quy định.

– **Thư tín dụng có điều khoản đỏ (Red Clause L/C):** là L/C có điều khoản ủy quyền của Ngân hàng mở L/C cho Ngân hàng chiết khấu ứng trước một khoản tiền cho người hưởng lợi L/C để người này có vốn thực hiện việc mua hàng hoặc bán hàng theo nội dung của L/C đã mở. Theo L/C này người bán hàng có quyền đòi một số tiền ứng trước khi thực hiện nghĩa vụ giao hàng theo quy định của L/C. Số tiền ứng trước sau này sẽ được khấu trừ vào giá trị tiền mà người hưởng lợi được nhận khi xuất trình một bộ chứng từ hợp lệ.

## **1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua ( khách hàng)**

### **1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua**

- Phải thu khách hàng là khoản thu tiền mà khách hàng đã mua nợ doanh nghiệp do đã được cung cấp sản xuất, hàng hóa, dịch vụ nhưng chưa thanh toán tiền. Đây là khoản nợ phải thu chiếm tỷ trọng lớn nhất phát sinh thường xuyên và cũng gặp nhiều rủi ro nhất trong các khoản nợ phải thu phát sinh tại doanh nghiệp.

- Kế toán khoản phải thu khách hàng phải theo dõi chi tiết theo từng khách hàng, theo từng nội dung phải thu phát sinh để đáp ứng nhu cầu thông tin về đối tượng phải thu, nội dung phải thu, tình hình thanh toán và khả năng thu hồi nợ.

### **1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua**

#### **1.2.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng bán hàng hóa
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu
- Ủy nhiệm thu

#### **1.2.2.2. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 131 “ phải thu khách hàng” dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, cung cấp

dịch vụ. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh các khoản phải thu của người nhận thầu XDCCB với người giao thầu về khối lượng công tác XDCCB đã hoàn thành. Tài khoản 131 có kết cấu và nội dung ghi như sau

**Bên Nợ:**

- Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định đã giao, dịch vụ đã cung cấp và được xác định là đã bán trong kỳ.

- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.
- Xóa sổ khoản phải thu khách hàng không thu được.
- Chênh lệch do điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ

**Bên Có:**

- Số tiền khách hàng đã trả nợ
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng
- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại
- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại ( có thuế GTGT, hoặc không có thuế GTGT)
- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua

**Số dư bên Nợ:** Số tiền còn phải thu của khách hàng

**Số dư bên Có:** phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

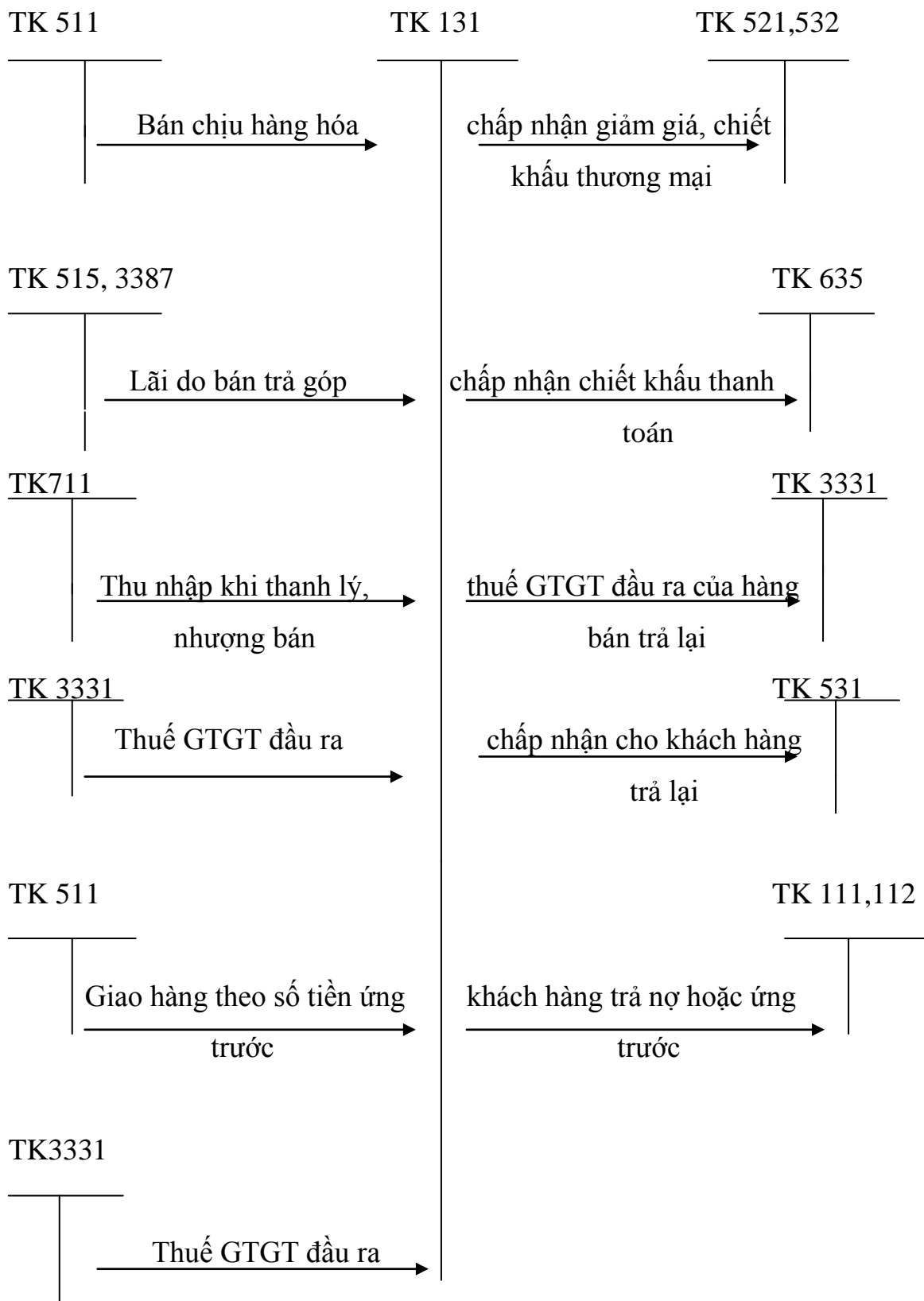
Khi lập bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “ Tài sản” và bên “ Nguồn vốn”.

**1.2.2.3. Sổ sách sử dụng**

- Sổ chi tiết phải thu khách hàng
- Sổ tổng hợp phải thu khách hàng
- Sổ cái TK 131

### 1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua

Trình tự hạch toán nghiệp vụ thanh toán với khách hàng được thể hiện qua sơ đồ hạch toán sau:



Sơ đồ 1.1. Sơ đồ trình tự hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với khách hàng

### **1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán ( nhà cung cấp)**

#### **1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán**

- Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hóa dịch vụ hoặc cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao.

- Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ mua vật tư, hàng hoá, dịch vụ trả tiền ngay (bằng tiền mặt, tiền séc hoặc đã trả qua Ngân hàng).

- Những vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, nhập kho nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hoá đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức của người bán.

- Khi hạch toán chi tiết các khoản này, kế toán phải hạch toán rõ ràng, rành mạch các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán, người cung cấp ngoài hoá đơn mua hàng.

#### **1.3.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán**

##### **1.3.2.1 Chứng từ sử dụng**

- Hợp đồng mua hàng hóa
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu nhập kho
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi

##### **1.3.2.2. Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết. Tài khoản này cũng được dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ

phải trả cho người nhận thầu xây lắp chính, phụ. Tài khoản này được mở chi tiết theo từng đối tượng thanh toán và có kết cấu như sau:

**Bên Nợ:**

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ và khoản nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.

**Bên Có:**

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức.

**Số dư bên Có:** phản ánh số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp.

**Số dư bên Nợ (nếu có):** phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể.

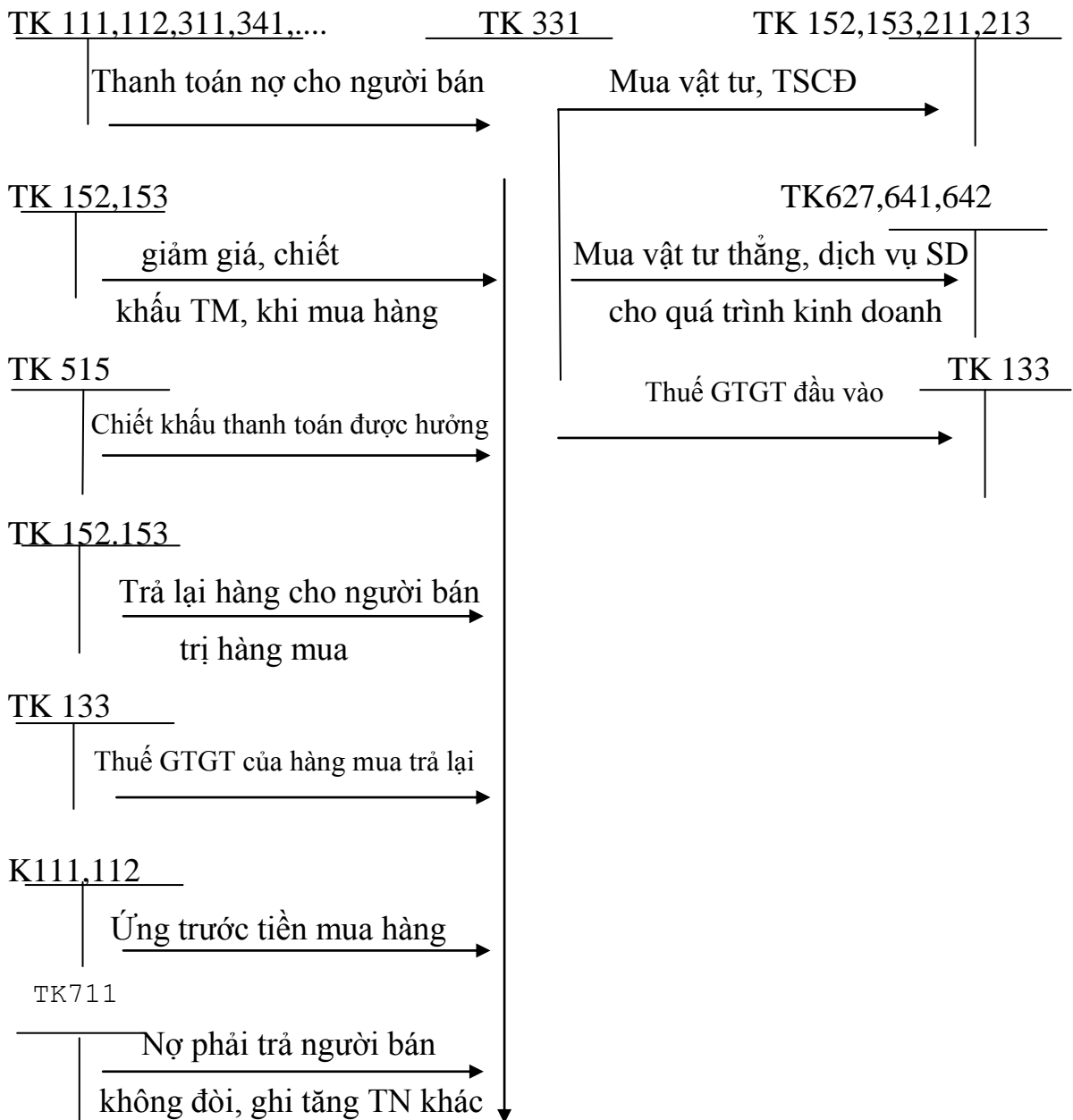
Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

**1.3.2.3. Sổ sách sử dụng**

- Sổ chi tiết thanh toán với người bán
- Sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người bán
- Sổ cái TK 331

### 1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán

Trình tự hạch toán nghiệp vụ thanh toán với nhà cung cấp được thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.2. Sơ đồ trình tự hạch toán nghiệp vụ thanh toán với nhà cung cấp

### 1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ

#### 1.4.1. Tỷ giá và quy định về sử dụng tỷ giá trong kế toán

- **Theo quan điểm cổ điển:** Tỷ giá là tỷ lệ so sánh ngang giá vàng giữa hai đồng tiền của hai nước, là hệ số chuyển đổi giữa đơn vị tiền tệ nước này sang đơn vị tiền tệ nước khác.

- **Theo quan điểm kinh tế hiện đại:** Tỷ giá là giá mà người ta trả khi mua hoặc nhận được khi bán một ngoại tệ, trên thị trường ngoại hối tỷ giá là giá cả của tiền tệ nước này tính bằng đơn vị tiền tệ nước khác.

- Việc hạch toán ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức được sử dụng trong kế toán về nguyên tắc doanh nghiệp phải căn cứ vào Tỷ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế ( gọi tắt là Tỷ giá giao dịch) để ghi Sổ kế toán.

- Đối với các tài khoản thuộc loại chi phí, doanh thu, thu nhập, vật tư, hàng hóa, tài sản cố định, bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền, các tài khoản nợ phải thu hoặc bên Có các tài khoản nợ phải trả. Khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải ghi sổ kế toán theo Tỷ giá giao dịch.

- Đối với bên Có của các tài khoản vốn bằng tiền, các tài khoản nợ phải thu và bên Nợ của các tài khoản nợ phải trả khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải được ghi sổ kế toán theo Tỷ giá trên ghi sổ kế toán( Tỷ giá xuất quỹ tính theo 1 trong các phương pháp Bình quân gia quyền; Nhập trước xuất trước; Nhập sau xuất trước;.), Tỷ giá nhận nợ.

- Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo Tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm lập Bảng Cân đối kế toán. Trường hợp mua bán ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì hạch toán theo Tỷ giá thực tế mua, bán.

#### **1.4.2. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua người bán có liên quan đến ngoại tệ**

- Tài khoản sử dụng

+ TK 131 – Phải thu khách hàng

+ TK 331 – Phải trả người bán

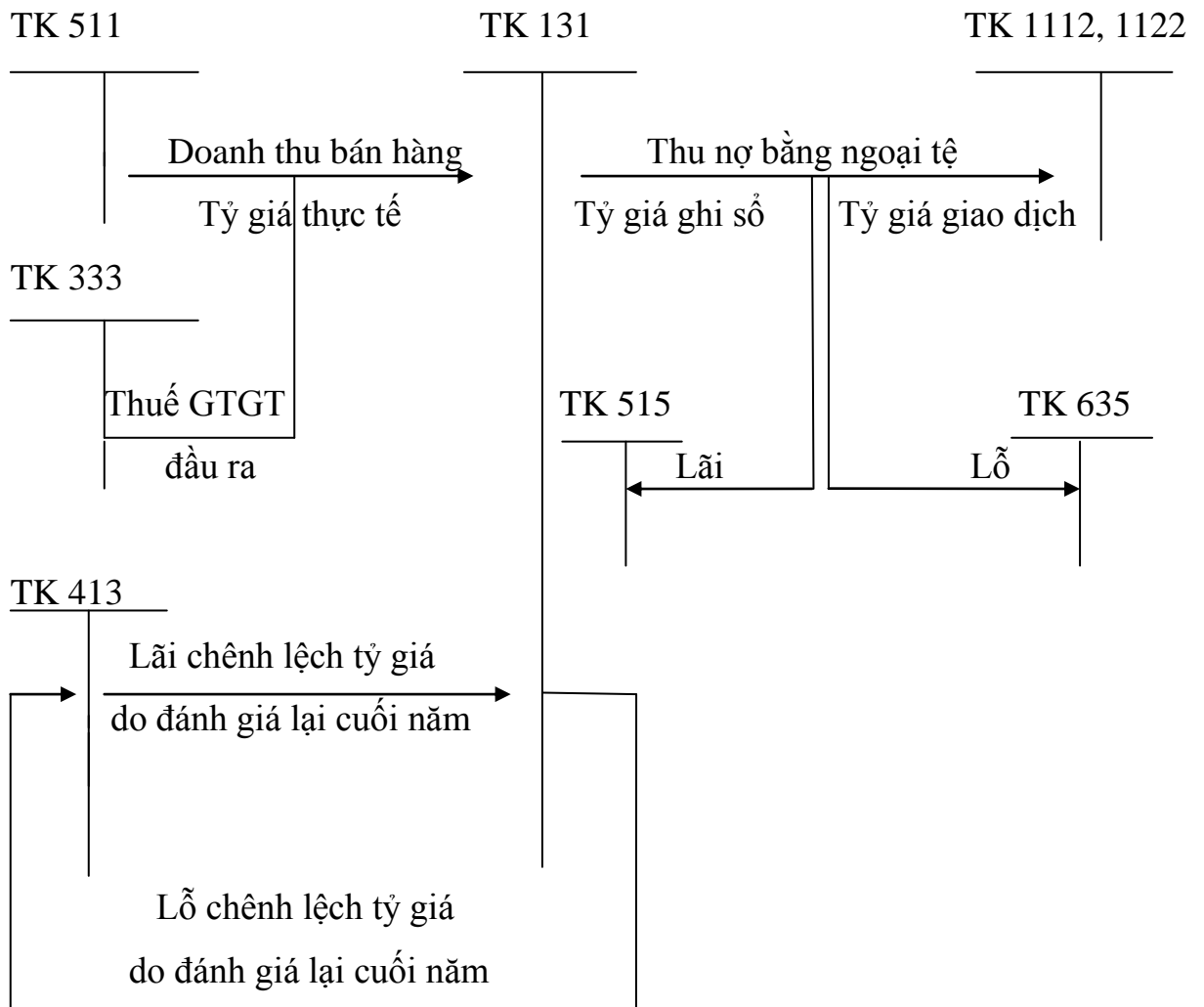
+ TK 635 – Chi phí tài chính (nếu lỗ tỷ giá)

+ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi tỷ giá)



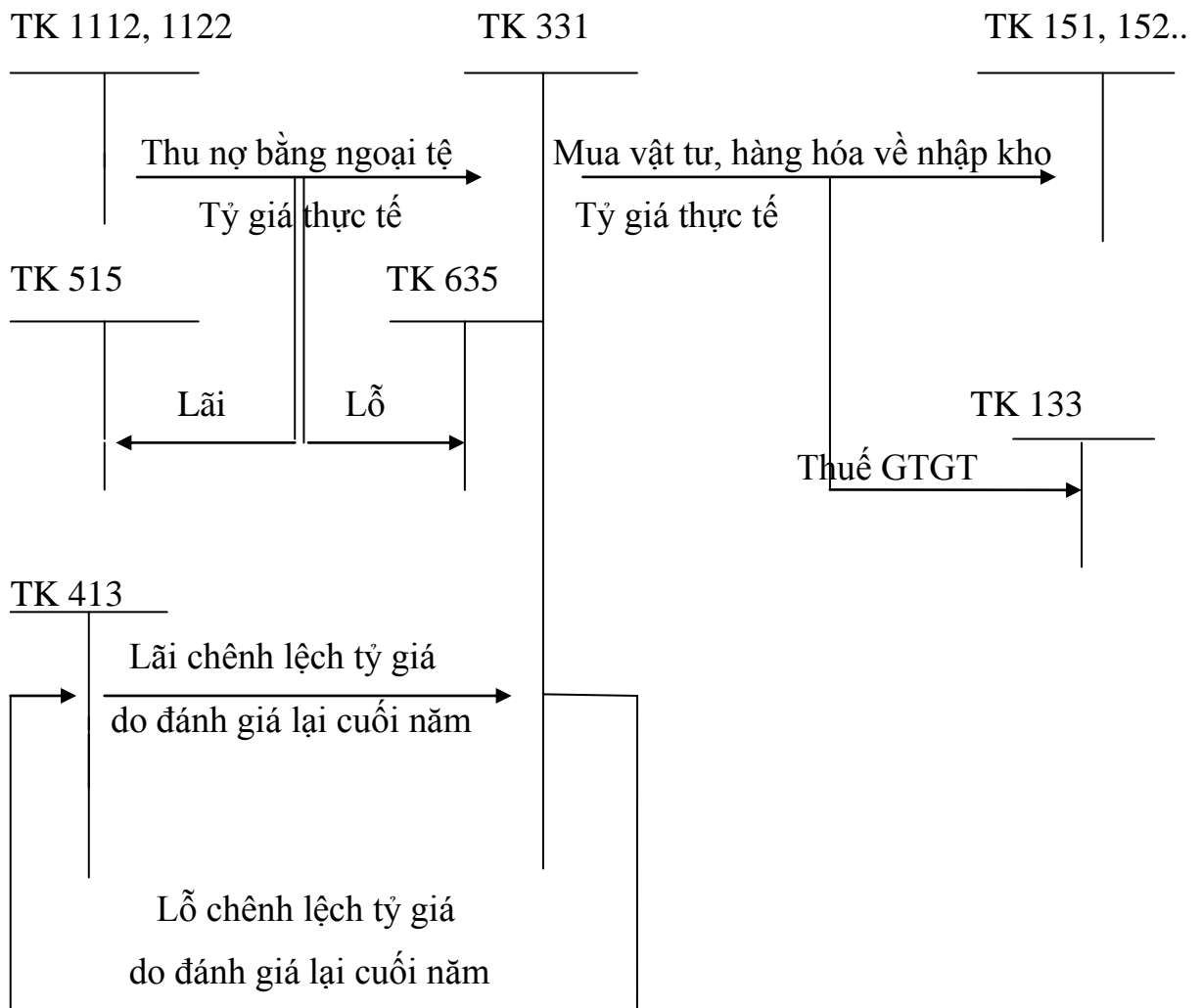
- Cuối kỳ kế toán tiến hành điều chỉnh tỷ giá số dư phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

- Sơ đồ hạch toán thanh toán với người mua bằng ngoại tệ



Sơ đồ 1.3. Trình tự hạch toán thanh toán với người mua bằng ngoại tệ

-Sơ đồ hạch toán thanh toán với người bán bằng ngoại tệ

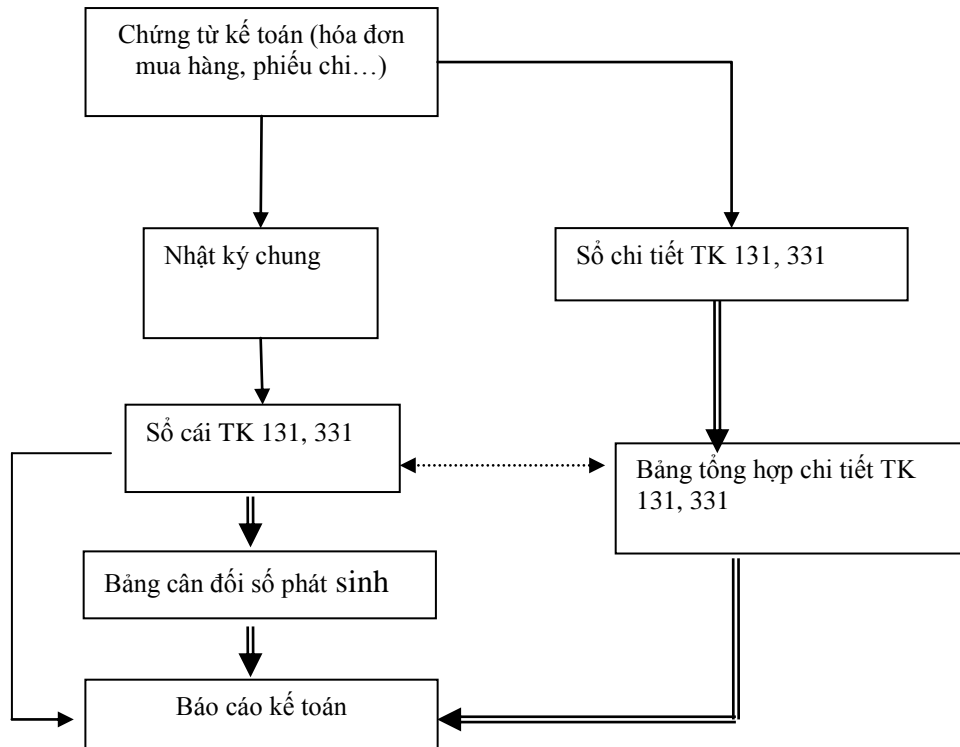


**Sơ đồ 1.4. Trình tự hạch toán thanh toán với người bán bằng ngoại tệ**

**1.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán**

**1.5.1. Hình thức nhật ký chung**

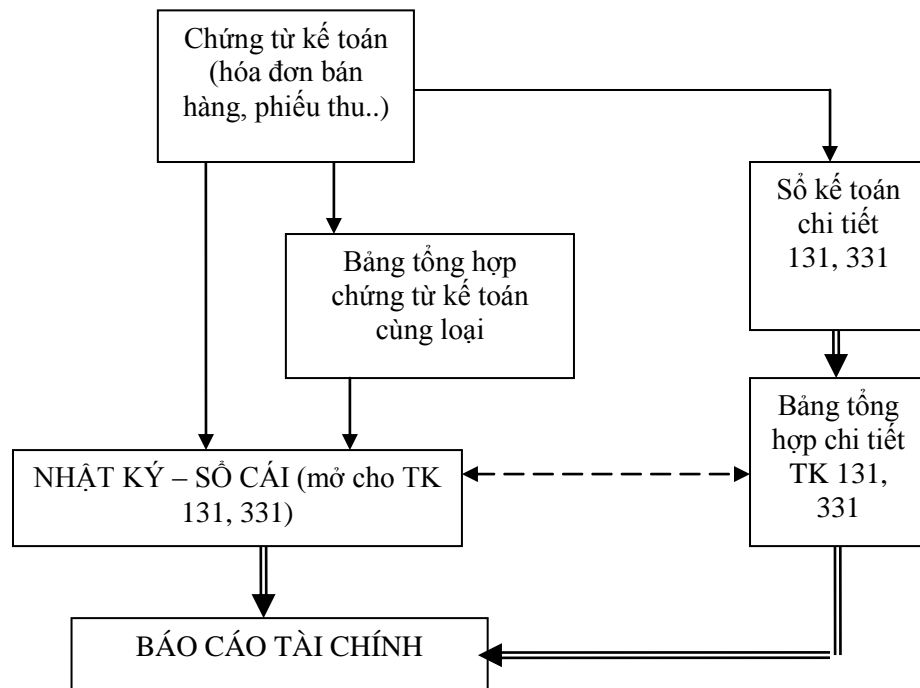
Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.



**Sơ đồ 1.6. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung**

### 1.5.2. Hình thức nhật kí – sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.



**Sơ đồ 1.7. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký - sổ cái**

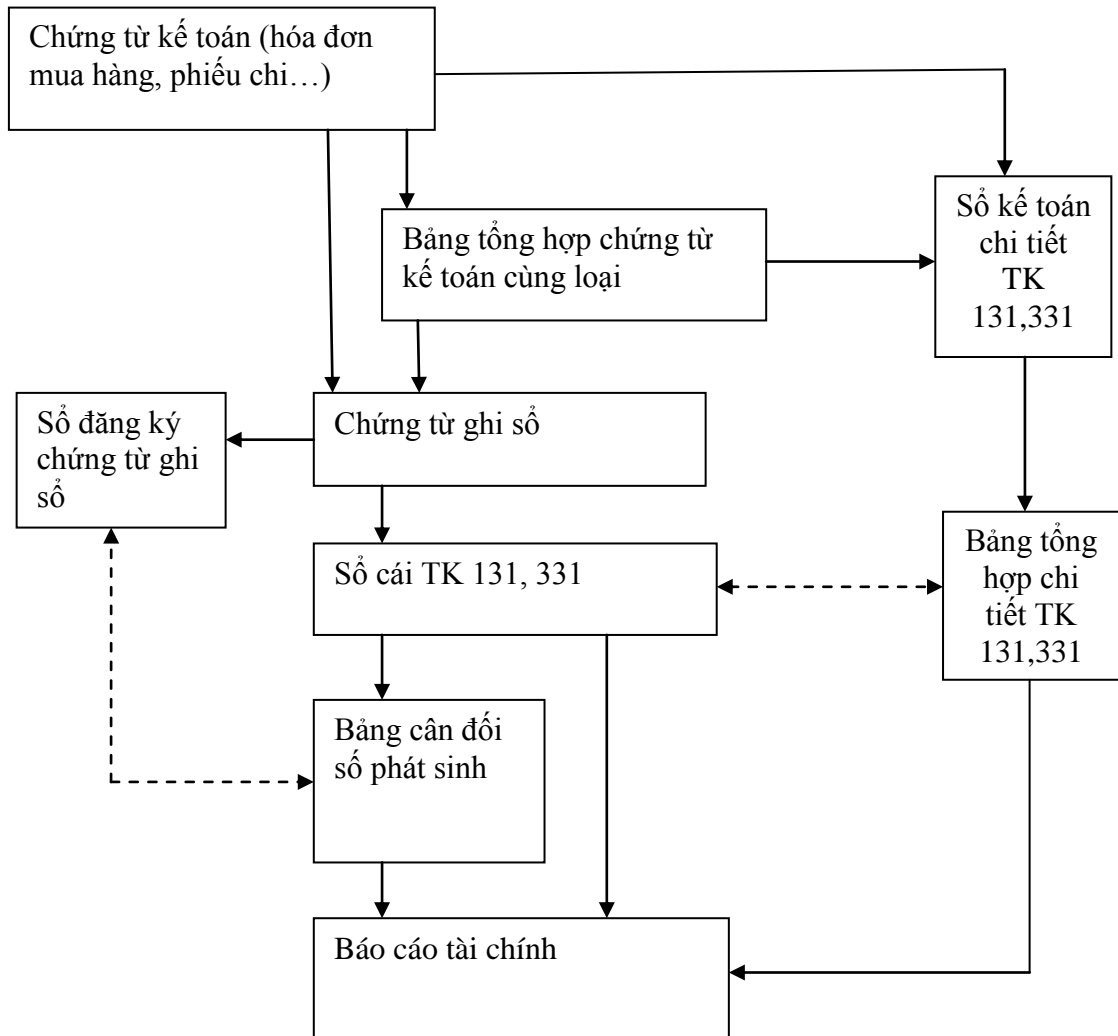
### 1.5.3. Hình thức chứng từ - ghi sổ

Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

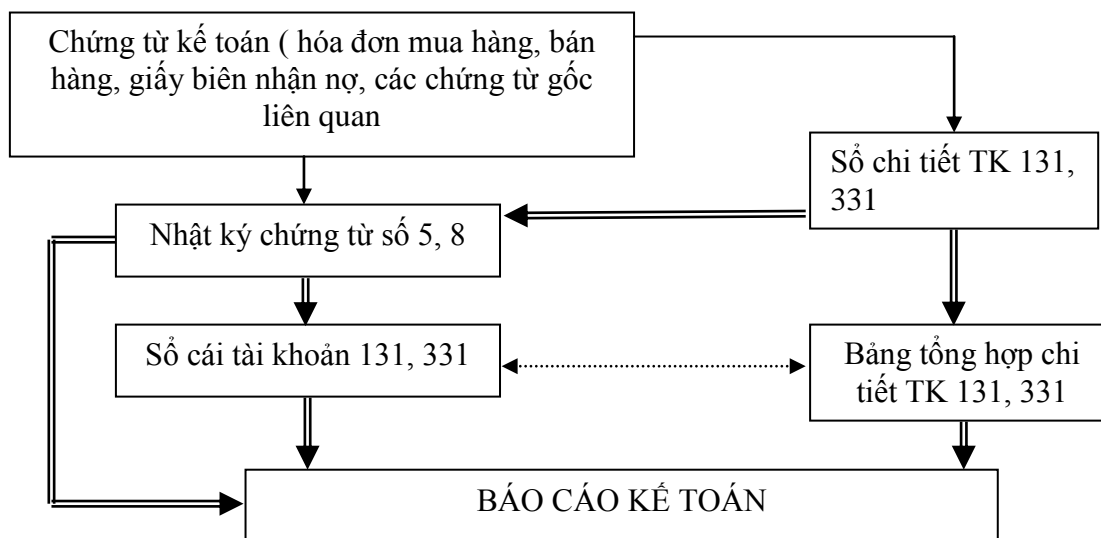


**Sơ đồ 1.8. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Chứng từ ghi sổ**

#### 1.5.4. Hình thức nhật kí chứng từ

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.



**Sơ đồ 1.9. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký-chứng từ**

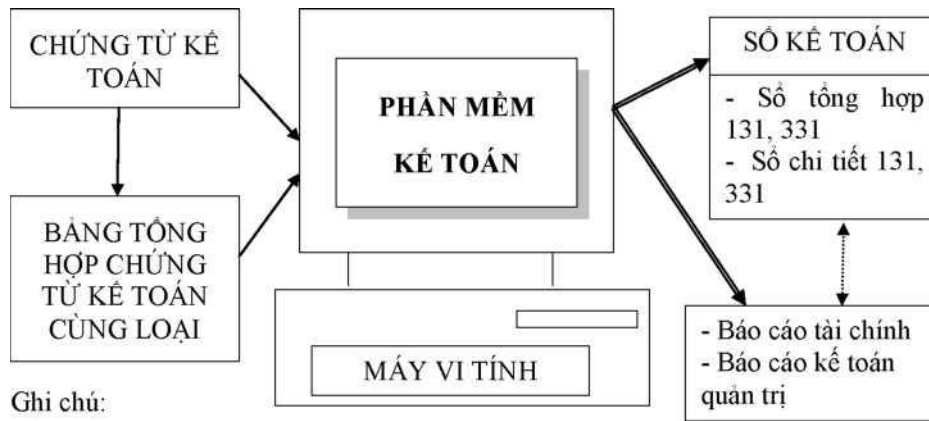
### 1.5.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy tính.

- Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán theo quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ Sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.
- Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống nhau mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy tính.

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào Chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.
- Cuối tháng kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập Báo cáo tài chính. Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định.



**Sơ đồ 1.10. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán Trên máy vi tính.**

**1.6. Phân tích tình hình tài chính thông qua phân tích tình hình nhu cầu và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.**

- Hệ số khả năng thanh toán tổng quát:

$$\frac{\text{Hệ số thanh toán tổng quát}}{\text{Tổng tài sản}} = \frac{\text{Nợ phải trả}}{\text{Nợ phải trả}}$$

Hệ số này thể hiện mối quan hệ giữa tổng tài sản hiện có của doanh nghiệp so với tổng số nợ phải trả. Hệ số này càng thấp thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng kém, còn khi hệ số này lớn hơn một thì mới đảm bảo khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn:

$$\frac{\text{Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn}}{\text{Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn}} = \frac{\text{Tổng tài sản lưu động}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn là thương số giữa tài sản ngắn hạn với các khoản nợ ngắn hạn. Nó thể hiện mức độ đảm bảo TSLĐ với nợ ngắn hạn. Nếu hệ số này xấp xỉ một thì doanh nghiệp có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh:

$$\frac{\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh}}{\text{Hệ số khả năng thanh toán nhanh}} = \frac{\text{Tổng TSLĐ-Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số khả năng thanh toán nhanh là khả năng thanh toán nợ ngay của doanh nghiệp. Nếu doanh nghiệp có hệ số thanh toán nhanh lớn hơn 0,5 thì có khả năng thanh toán các khoản nợ tới và quá hạn tương đối tốt còn các doanh nghiệp có hệ số này dưới 0,5 thì có thể gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ tới và quá hạn. Trường hợp lý tưởng là doanh nghiệp có hệ số này bằng một.

Đây là nhóm các hệ số quan trọng, nó phản ánh rõ nhất tình trạng tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm xem xét. Các nhà quản lý doanh nghiệp căn cứ vào nhóm các hệ số này để đưa ra các đối sách về việc có cần huy động thêm hay không các nguồn tài chính một cách thích hợp, kịp thời để đảm bảo an toàn khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

- Hệ số nợ phải thu và nợ phải trả:

---

**Hệ số nợ phải  
trả, nợ phải thu**

**Các khoản nợ phải trả  
Các khoản nợ phải thu**

Hệ số này đối với một doanh nghiệp có tình hình tài chính lành mạnh thường xấp xỉ bằng 1. Nếu hệ số này  $> 1$  thể hiện rằng doanh nghiệp chiếm dụng được vốn của người khác còn ngược lại hệ số này  $< 1$  thể hiện doanh nghiệp bị người khác chiếm dụng vốn.



## **CHƯƠNG 2**

# **THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI VIỆC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN**

### **2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán các khoản thanh toán tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn**

#### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn**

Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn được thành lập căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 được Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh Nghiệp.

Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn là một doanh nghiệp cổ phần có tư cách pháp nhân, có trụ sở làm việc, có tài khoản mở tại Ngân Hàng... có nhiệm vụ vận tải hàng hóa tại Hải Phòng và các tỉnh lân cận.

#### **Thông tin về Công ty:**

- Tên tiếng việt : Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn
- Giám đốc : Phạm Hồng Sơn
- Địa chỉ : Số 19A, ngõ 311, Đoạn Xá, phường Đông Hải 1, quận Hải An
- Tỉnh / Thành phố : Hải Phòng
- Loại hình : Cổ Phần
- Telephone : 0313.978.416
- Vốn điều lệ của Công ty : 10.000.000.000 đồng
- Số cổ phần : 100.000 cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá cổ phần : 100.000 đồng / cổ phần
- Cổ đông sáng lập:

Ông : Phạm Hồng Sơn góp 9.950.000.000 đồng chiếm 99.500 cổ phần tương ứng 99,5% tổng số vốn điều lệ.

Ông : Trần Thành Minh góp 50.000.000 đồng chiếm 500 cổ phần tương ứng 0,5% tổng số vốn điều lệ.

- Ngành nghề kinh doanh :

- + Dịch vụ vận tải hàng hóa đường thủy, đường bộ
- + Dịch vụ ủy thác, ký gửi hàng hóa,
- + Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa,
- + Mua bán các mặt hàng tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng,
- + Kinh doanh cho thuê bến bãi,
- + Đào tạo nghề sửa chữa ô tô và mô tô,
- + Đào tạo tin học,

-Trong những năm gần đây doanh thu và lợi nhuận của công ty được biểu hiện qua kết quả tổng hợp tài chính sau:

**Biểu 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.695.518.273	55.749.589.869
2	Các khoản giảm trừ	-	-
3	DTT bán hàng và cung cấp dịch vụ	52.695.518.273	55.749.589.869
4	Giá vốn hàng bán	42.241.995.161	50.496.579.425
5	Lợi nhuận gộp về BH và Cung cấp DV	10.453.523.112	5.252.992.444
6	Doanh thu hoạt động tài chính	18.886.634	4.034.232
7	CP hoạt động tài chính	7.022.485.305	3.581.596.370
	Trong đó: lãi vay	-	-
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	566.889.018	189.456.324
10	Lợi nhuận từ HĐKD	2.883.035.423	1.485.973.982
11	Thu nhập khác	170.686.545	42.532.000
12	Chi phí khác	4.909.974	-
13	Lợi nhuận khác	165.776.571	42.532.000
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	3.048.811.994	1.528.505.982
15	Thuế thu nhập DN hiện hành	762.202.999	382.126.496
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế	2.286.608.996	1.146.379.487

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

### **2.1.2. Đặc điểm các mặt hàng sản xuất, kinh doanh và lưu chuyển hàng tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn**

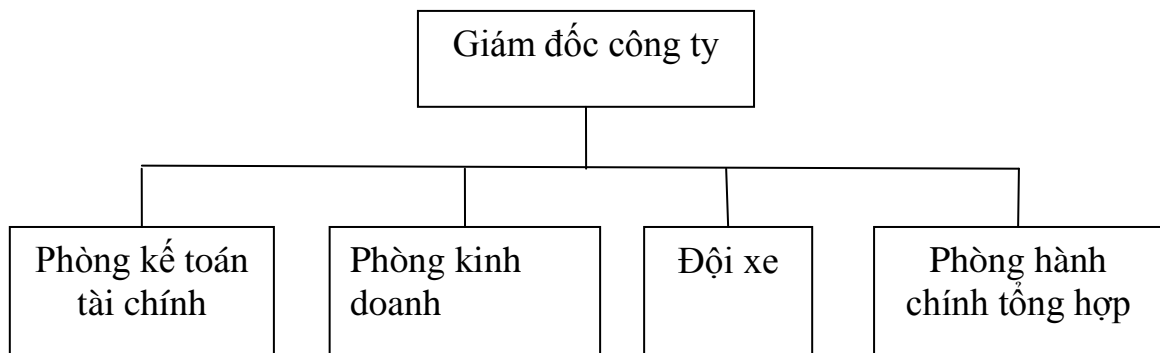
Tại công ty Cổ phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn mặt hàng kinh doanh chính là sắt, thép

+ Mặt hàng sắt thép công ty nhập từ các công ty sản xuất sắt thép. Mặt hàng sắt thép mang lại lợi nhuận cao nhưng vốn đầu tư ra kinh doanh là không nhỏ.

+ Công ty Cổ phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn có rất nhiều kho bãi hàng năm công ty cho các đơn vị bạn thuê mang lại rất nhiều lợi nhuận.

### **2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn**

#### **SƠ ĐỒ 2.1. BỘ MÁY TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN**



#### **\*Giám đốc Công ty :**

Là người đứng đầu Công ty, tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty, có quyền ký kết hợp đồng kinh tế, chịu trách nhiệm trước Nhà nước về mọi hoạt động kinh doanh. Có quyền tổ chức bộ máy quản lý, đề bạt, bãi nhiệm ...cán bộ nhân viên dưới quyền theo đúng chính sách pháp luật của Nhà nước và quy định của Công ty. Chịu trách nhiệm về công ăn việc làm, về đời sống vật chất tinh thần và mọi quyền lợi hợp pháp khác cho Cán bộ công nhân viên.

**\*Phòng Kế toán tài chính :**

Chịu sự lãnh đạo trực tiếp của giám đốc, có chức năng khai thác và quản lý nguồn vốn phục vụ các hoạt động kinh doanh của Công ty. Thực hiện công tác hoạch toán, thống kê theo quy định của Nhà nước, phân tích hoạt động kinh tế để cung cấp các thông tin về hiệu quả kinh doanh, về tài sản của Doanh nghiệp trong từng thời kỳ.

**\*Phòng hành chính- tổng hợp :**

- Thực hiện các chức năng về quản lý lao động, tiền lương, giải quyết các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của Nhà nước và quy chế của Công ty, thực hiện các chế độ về bảo hiểm xã hội, trợ cấp ốm đau và các vấn đề liên quan đến quyền lợi của người lao động, tham mưu với Giám đốc trong công tác tổ chức cán bộ, đôn đốc việc chấp hành kỷ luật lao động, nội quy, quy chế của Công ty.

- Cung cấp đầy đủ , kịp thời các vật tư, nguyên vật liệu và công tác quản lý.

- Chịu trách nhiệm về công tác phục vụ hành chính, phục vụ bữa ăn giữa ca cho công nhân viên chức.

-Xây dựng phương án bảo vệ và thực hiện việc tuân tra công tác bảo vệ tài sản Công ty, kết hợp với chính quyền và công an khu vực giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng phương án biện pháp phòng chống cháy nổ, chống bão lụt..

**\* Phòng kinh doanh:**

Có nhiệm vụ xác định mục tiêu, phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất.

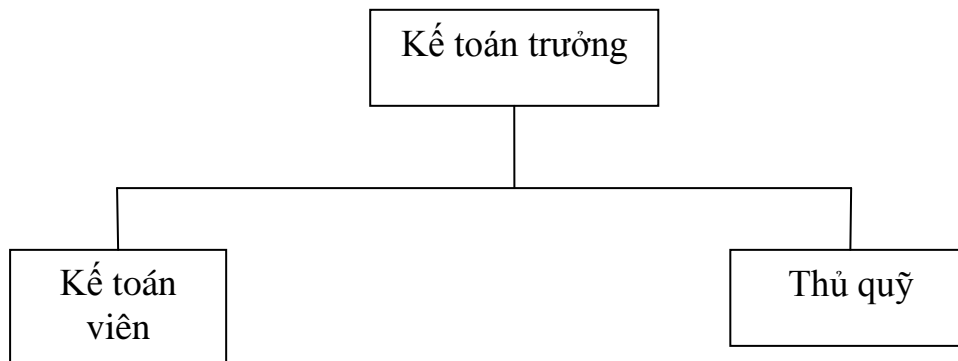
**\* Đội xe :**

Quản lý toàn bộ hệ thống xe vận tải hàng của Công ty. Nhập xuất hàng hóa, thành phẩm và chịu trách nhiệm về tỷ lệ hao hụt hàng hóa, thành phẩm trên xe và khâu giao nhận, chịu trách nhiệm vận chuyển trong quá trình mua bán hàng hoá, đảm nhiệm việc kiểm tra hàng hóa trong quá trình xuất nhập hàng hóa.

#### 2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn

**\*Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán:** bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung.

#### SƠ ĐỒ 2.2. TỔ CHỨC BỘ MÁY KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN



**\*Kế toán trưởng :** kiểm tra, phối hợp hoạt động của các kế toán viên nhằm đảm bảo sự thống nhất về mặt số liệu và quy trình kế toán. Kế toán trưởng còn thực hiện các bút toán kết chuyển, theo dõi về thuế, căn cứ để lập các sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính.

**\*Kế toán viên :** Tổ chức theo dõi và hoạch toán kế toán các hoạt động về vốn bằng tiền, tài sản cố định, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, công nợ nội bộ và công nợ khác.

Tổ chức theo dõi và hoạch toán kế toán các hoạt động về vốn bằng tiền, về tài sản cố định, chi phí, các khoản công nợ nội bộ, về nguồn vốn, về thanh toán với ngân sách.

**\*Thủ quỹ :** Có nhiệm vụ cất giữ tiền mặt tại Công ty, thu chi tiền khi có chứng từ của kế toán đưa sang, cuối ngày báo cáo tồn quỹ với Kế toán trưởng và đối chiếu thu chi tồn quỹ với Kế toán trưởng.

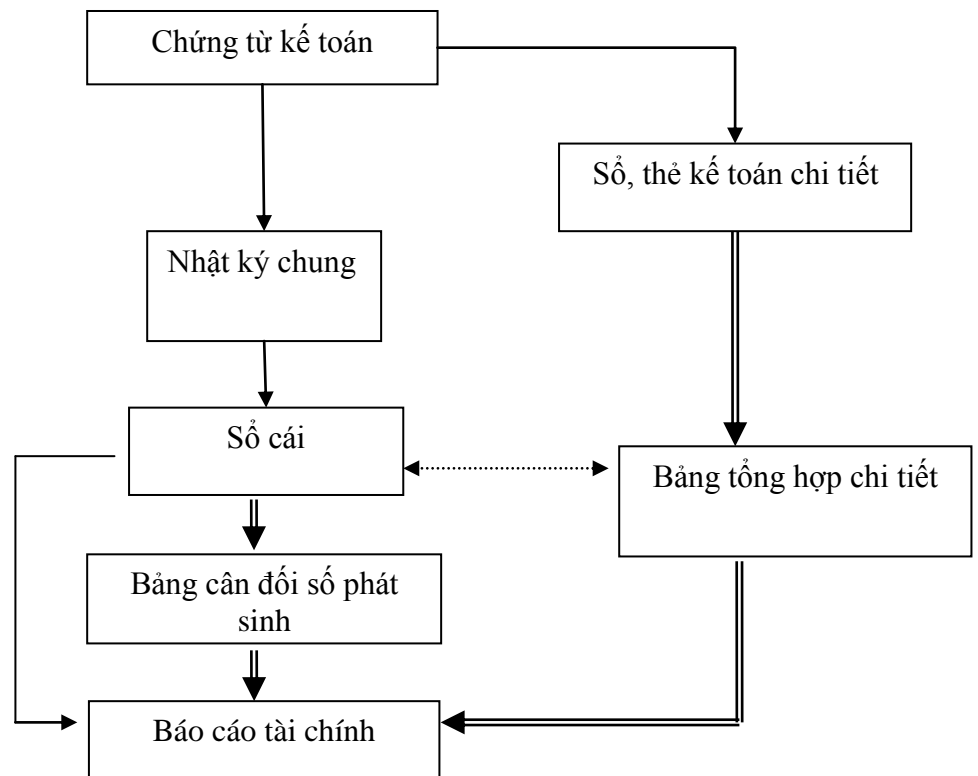
**\*Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn:**

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính về việc ban hành chế độ

kế toán doanh nghiệp và các chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- + Báo cáo tài chính của Công ty độc lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán hiện hành.
- + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo nguyên tắc giá gốc.
- + Phương pháp hạch toán hàng xuất kho: thực tế đích danh
- + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.
- + Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định theo đường thẳng.
- + Phương pháp tính thuế giá trị gia tăng : Phương pháp khấu trừ.
- + Kỳ kế toán năm: từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.
- + Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán: Đồng Việt Nam
- + Hình thức kế toán Công ty áp dụng là hình thức “ Nhật ký chung”.

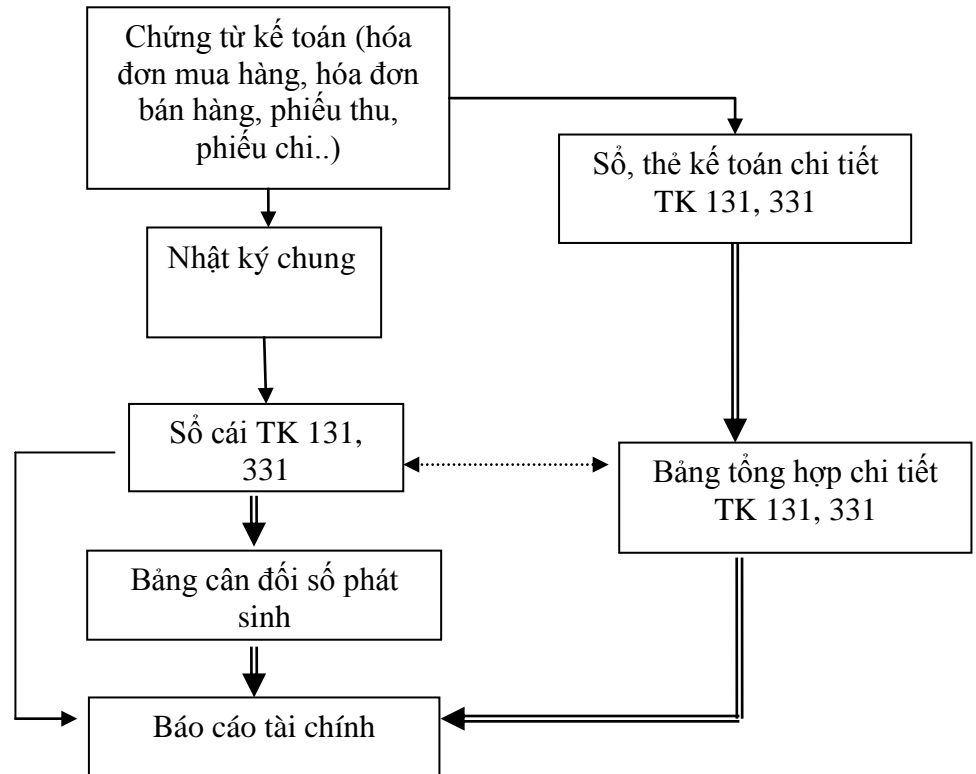
**SƠ ĐỒ 2.3: TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẠN TÀI HOÀNG SƠN**



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

## SƠ ĐỒ 2.4. TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN CÔNG NỢ THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN NHẬT KÝ CHUNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

### 2.1.5. Đặc điểm về đối tượng thanh toán, phương thức và hình thức thanh toán tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn

#### *\*Đặc điểm về đối tượng thanh toán*

-Nếu phân theo đối tượng thanh toán thì công ty có một số loại quan hệ thanh toán như sau:

Quan hệ thanh toán nội bộ công ty

Quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với người mua

Quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với các bên đối tác kinh doanh

Quan hệ thanh toán giữa doanh nghiệp với Ngân sách Nhà nước

Các quan hệ thanh toán khác: Ngoài các quan hệ thanh toán trên thì trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh công ty còn có quan hệ thanh toán với Ngân hàng, các tổ chức tài chính về các khoản vay, quan hệ thế chấp, ký quỹ.. Trong tất cả các quan hệ thanh toán kể trên thì quan hệ thanh toán với người mua, người bán có vai trò hết sức quan trọng và diễn ra thường xuyên nhất đồng thời cũng chiếm tỷ trọng cao nhất. Nghiệp vụ thanh toán với người bán, người mua của công ty diễn ra thường xuyên và có quy mô lớn. Nghiệp vụ thanh toán phát sinh ngay từ giai đoạn đầu của quá trình kinh doanh khi doanh nghiệp mua hàng hoá đầu vào của nhà cung cấp đến khi doanh nghiệp bán dịch vụ, hàng hoá cho khách hàng và kết thúc một chu trình kinh doanh. Thông tin về hoạt động thanh toán với người mua, người bán không chỉ được thể hiện trên các báo cáo tài chính mà còn cả trên các báo cáo kế toán quản trị và là mối quan tâm của các đối tượng trong và ngoài doanh nghiệp.

***\*Phương thức và hình thức thanh toán tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn***

Các phương thức thanh toán là yếu tố quan trọng trong quan hệ thanh toán của doanh nghiệp với tất cả các đối tượng và được thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng kinh tế. Các phương thức thanh toán hiện nay rất đa dạng và phong phú nhưng về cơ bản có thể chia thành thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không dùng tiền mặt. Trong hai loại thanh toán trên thì thanh toán dùng tiền mặt đang ngày càng thu hẹp nhường chỗ cho thanh toán không dùng tiền mặt bởi những tiện ích mà nó mang lại. Thanh toán không dùng tiền mặt tiết kiệm thời gian, an toàn đồng thời giảm lượng tiền mặt trong lưu thông giúp nhà nước kiểm soát lạm phát do thừa tiền.

Hình thức áp dụng chủ yếu là thanh toán bằng chuyển khoản. Thanh toán bằng chuyển khoản gồm chủ yếu là thanh toán bằng ủy nhiệm thu và ủy nhiệm chi, những giao dịch mà việc thanh toán bằng tiền mặt là không an toàn thì sẽ sử dụng phương pháp thanh toán này. Trong hình thức này thì Ngân hàng sẽ đóng vai trò là trung gian thực hiện việc thanh toán giữa công ty với người bán và người mua và thu phí chuyển khoản. Nhìn chung hầu hết các



hoạt động thanh toán đều được công ty thực hiện bằng chuyển khoản, hạn chế đến mức thấp nhất việc thanh toán bằng tiền mặt.

## **2.2. Thực trạng kế toán thanh toán với người mua (khách hàng) tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn**

### **2.2.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua**

#### **2.2.1.1. Chứng từ sử dụng**

Hợp đồng mua hàng

Hóa đơn GTGT

Phiếu xuất kho

Phiếu thu

Ủy nhiệm thu

Giấy báo Có

#### **2.2.1.2. Tài khoản sử dụng**

Để theo dõi tình hình thanh toán với khách hàng về số tiền bán hàng hóa Công ty sử dụng tài khoản 131- Phải thu khách hàng, tài khoản này được theo dõi chi tiết cho từng khách hàng. Tài khoản 131 có kết cấu và nội dung ghi như sau

#### **Bên Nợ:**

- Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp và được xác định là đã bán trong kỳ.
- Số tiền thừa trả lại cho khách hàng.
- Xóa sổ khoản phải thu khách hàng không thu được.
- Chênh lệch do điều chỉnh tỷ giá ngoại tệ

#### **Bên Có:**

- Số tiền khách hàng đã trả nợ
- Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng
- Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng sau khi đã giao hàng và khách hàng có khiếu nại

- Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại ( có thuế GTGT, hoặc không có thuế GTGT)

- Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua

**Số dư bên Nợ:** Số tiền còn phải thu của khách hàng

**Số dư bên Có:** phản ánh số tiền nhận trước, hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể. Khi lập bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng của tài khoản này để ghi cả hai chỉ tiêu bên “ Tài sản” và bên “ Nguồn vốn”.

### **2.2.1.3. Sổ sách sử dụng**

- Sổ chi tiết thanh toán với người mua TK 131

- Bảng tổng hợp thanh toán với người mua TK 131

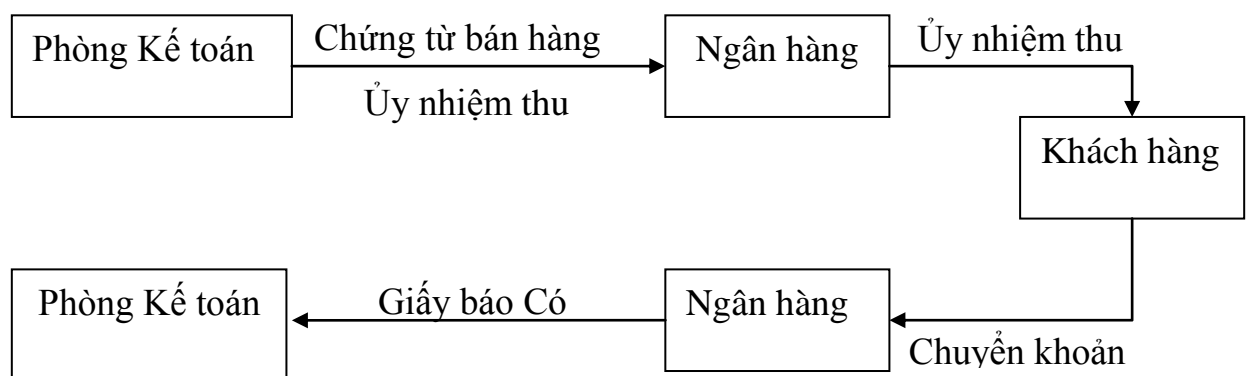
- Sổ cái TK 131

- Sổ nhật ký chung

### **2.2.2. Kế toán tổng hợp và chi tiết thanh toán với người mua**

Nợ phải thu cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải thu, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kê cả tài sản cố định, bất động sản đầu tư.

## **SƠ ĐỒ 2.5. QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**



**Ví dụ:** Ngày 02/01/2012 Doanh nghiệp tư nhân Mạnh Năm thuê vận chuyển 254.640 kg thép cuộn từ Hải Phòng đi Thạch Thất bằng số tiền là 60.000.000 đồng ( thuế VAT 10%). Nhân viên kế toán tiến hành lập Hóa đơn GTGT số 0000452, giao cho khách hàng liên 2. Nhân viên kế toán sử dụng liên 3 để tiến hành ghi sổ kế toán.

**BIỂU 2.2. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0000452**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: AA/11P			
Ngày 02 tháng 01 năm 2012		Số: 0000452			
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn					
Địa chỉ: Số 19A, ngõ 311-Đoạn Xá-P.Đông Hải 1-Q.Hải An-TP.Hải Phòng					
Số Tài khoản: 10921421361017 – NH Techcombank – Hải Phòng–					
009704060022265- NH VIB - HP					
Điện thoại:031.3555157 .....MST:0200453511					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: : DN tư nhân cơ kim khí Mạnh Năm.....					
Địa chỉ: Phùng Xá – Thạch Thất - HN.....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: .....MS : 0500530189					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước vận chuyển 254.640 kg thép cuộn từ Hải Phòng đi Thạch Thất	Chuyến	15	3.636.363,64	54.545.455
Cộng tiền hàng:					54.545.455
Thuế suất thuế GTGT: 10%....			Tiền Thuế:		5.454.545
Tổng cộng tiền thanh toán					60.000.000
Số tiền viết bằng chữ: sáu mươi triệu đồng chẵn.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>Phan Cẩm Vân</i>		<i>Phạm Hồng Sơn</i>			

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ HĐ GTGT 0000452 kê toán phản ánh bút toán sau

{ Nợ TK 131: 60.000.000  
 Có TK 511: 54.545.455  
 Có TK 3331: 5.454.545  
 vào Sổ Nhật Ký Chung

**BIỂU 2.3. TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

**Năm 2012**

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang			
2/1	0000452	Doanh thu cước vận chuyển cty Mạnh Năm	131 511 3331	60.000.000	54.545.455 5.454.545
2/1	PC001	Thanh toán cước đt	642 133 111	75.832 7.583	83.415
2/1	SP001/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111 112	755.000.000	755.000.000
3/1	SP002/12	Trả nợ lãi vay khế ước số 529	635 112	17.244.384	17.244.384
3/1	SP002/12	Trả nợ gốc khế ước số 529	311 112	81.805.556	81.805.556
3/1	PC002	Thanh toán cước đt	642 113 111	79.529 7.952	87.481
4/1	GBC01	Cty Mạnh Năm thanh toán cước vận chuyển ngày 02/01	112 131	30.000.000	30.000.000
4/1	0000453	Doanh thu cước vận chuyển cty Thép An Thịnh	131 511 3331	9.800.000 980.000	10.780.000
4/1	0001245	Mua dầu diesel cty Bình Phát	632 133 331	220.390.227 22.039.023	242.429.250
7/1	GBC02	Cty Đồng Đạt đặt trước tiền mua hàng	112 131	252.540.890	252.540.890

*Khóa luận tốt nghiệp*

<b>8/1</b>	<b>0000454</b>	<b>Doanh thu cước vận chuyển Cty Tiên Kiên</b>	<b>131 511 3331</b>	<b>7.875.047</b>	<b>7.159.134 715.913</b>
8/1	PC003	Thanh toán cước đt	642 133 111	260.582 26.058	286.640
8/1	PC004	Thanh toán cước đt	642 133 111	2.860.944 286.094	3.147.038
<b>10/1</b>	<b>GBC03</b>	<b>Cty Mạnh Năm thanh toán cước vận chuyển</b>	<b>112 131</b>	<b>30.000.000</b>	<b>30.000.000</b>
<b>15/1</b>	<b>GBC04</b>	<b>Cty Mạnh Năm đặt trước tiền hàng</b>	<b>112 131</b>	<b>150.000.000</b>	<b>150.000.000</b>
		.....			
		.....			
		<b>Cộng phát sinh T1/2012</b>		<b>58.367.976.256</b>	<b>58.367.976.256</b>
		.....			
		<b>Cộng lũy kế năm 2012</b>		<b>537.941.503.715</b>	<b>537.941.503.715</b>

Ngày....tháng .....Năm

Kế toán ghi sổ

Kế toán trưởng

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.4), kế toán phản ánh nghiệp vụ phát sinh vào Sổ Cái TK 131

**BIỂU 2.4. TRÍCH SỔ CÁI TK 131**

**SỔ CÁI**

**PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

**Năm 2012**

**SHTK: 131**

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		<b>Số dư đầu năm</b>		<b><u>10.269.693.485</u></b>	
2/1	0000452	Doanh thu cước vận chuyển công ty Mạnh Năm	511 3331	54.545.455 5.454.545	
4/1	GBC01	Cty Mạnh Năm thanh toán cước vận chuyển	112		30.000.000
4/1	000453	Doanh thu cước vận chuyển cty thép An Thịnh	511 3331	9.800.000 980.000	
7/1	GBC02	Cty Đồng Đạt đặt trước tiền mua hàng	112		252.540.890
8/1	0000454	Doanh thu cước vận chuyển Cty Tiến Kiên	511 3331	7.159.134 715.913	
10/1	GBC03	Cty Mạnh Năm thanh toán cước vận chuyển	112		30.000.000
15/1	GBC04	Cty Mạnh Năm đặt trước tiền mua hàng	112		150.000.000
		.....			
		<b>Cộng phát sinh T1/2012</b>		<b>4.622.250.000</b>	<b>5.061.435.000</b>
		<b>Số dư cuối T1/2012</b>		<b><u>9.830.508.480</u></b>	
		.....			
		<b>Cộng lũy kế năm 2012</b>		<b>55.467.327.902</b>	<b>60.736.102.276</b>
		<b>Số dư cuối năm</b>		<b><u>5.000.919.111</u></b>	

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ HĐ GTGT 0000452, kế toán lập sổ chi tiết thanh toán với người mua của Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Mạnh Năm.

**BIỂU SỐ 2.5. SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

**Đơn vị : Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**

**Mẫu số Số 32- DN**

**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**Địa chỉ :**

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

**Tài khoản : 131**

**Đối tượng : Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Mạnh Năm**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>						
			<b>SPS trong kỳ</b>						
	0000452	02/01	Doanh thu cước vận chuyển	511		54.545.455		54.545.455	
			Thuế GTGT đầu ra	3331		5.454.545		60.000.000	
	GBC01	04/01	Thanh toán cước vận chuyển	112			30.000.000	30.000.000	
	GBC03	10/1	Thanh toán cước vận chuyển	112			30.000.000	-	
	GBC04	15/01	Đặt trước tiền mua hàng	111			150.000.000		150.000.000
			Tổng SPST1/2012			60.000.000	180.000.000		
			Số dư cuối T1/2012						<b>150.000.000</b>
			<b>Tổng phát sinh năm 2012</b>			<b>3.372.364.524</b>	<b>3.486.240.000</b>		
			<b>Số dư cuối năm 2012</b>						<b>113.875.476</b>

Ngày ....tháng.....năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)



**Ví dụ:** Ngày 4/1/2012 Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Mạnh Năm thanh toán 50% cước vận chuyển hàng theo hóa đơn GTGT 0000452 ngày 2/1/2012, số tiền 30.000.000 đồng bằng chuyển khoản qua Ngân hàng Techcombank, kế toán nhận được Giấy báo Có số 01 của Ngân hàng tiến hành ghi sổ.

## **BIỂU 2.6. GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK**

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN  
TECHCOMBANK**

Mẫu số: 01GTKT2/003  
Ký hiệu: AA/13T  
Số: 164390056134523.010002  
*Trang 1/1*

### **PHIẾU BÁO CÓ**

*(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)  
Liên 2 – Giao khách hàng  
Ngày 04 tháng 01 năm 2012*

Tên khách hàng: CTCP TM VAN TAI HOANG SON

Địa chỉ: 19A/311 DOAN XA, DONG HAI1, HAI AN, HP

Mã số thuế: 0200453511

Số ID KH: 21421361

Số TK: **109.21421361.01.7**

Loại tiền: **VND**

Loại TK: TIEN GUI THANH TOAN

Số bút toán hạch toán: TT1300203631\LHP

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Công ty Mạnh Năm chuyển khoản	30.000.000
<b>Tổng số tiền</b>	<b>30.000.000</b>

Số tiền bằng chữ: **Ba mươi triệu VND chẵn.**

Trích yếu: Công ty Mạnh Năm thanh toán 50% cước vận chuyển thép cuộn từ Hải Phòng đi Thạch Thất ngày 2/1/2012

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Căn cứ GBC 01 kế toán phản ánh bút toán sau

}	Nợ TK 112: 30.000.000
	Có TK 131: 30.000.000

vào Sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.3)

Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật Ký Chung, kế toán ghi Sổ Cái TK 131 (Biểu 2.4)

Căn cứ chứng từ gốc, kế toán ghi sổ chi tiết thanh toán với người mua của Doanh nghiệp tư nhân Mạnh Năm (Biểu 2.5)

- **Ví dụ:** Ngày 4/1 Công ty thép An Thịnh thuê vận chuyển 84.880 kg thép cuộn từ Hải Phòng đi Bắc Giang bằng số tiền là 10.780.000 đồng ( thuế VAT 10%). Nhân viên kế toán tiến hành lập Hóa đơn GTGT số 0000453, giao cho khách hàng liên 2. Nhân viên kế toán sử dụng liên 3 để tiến hành ghi sổ kế toán.

**BIỂU 2.7. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0000453**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số : 01 GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/11P		
Liên 3: Nội bộ			Số: <b>0000453</b>		
Ngày 04 tháng 01 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn					
Địa chỉ: Số 19A, ngõ 311-Đoạn Xá-P.Đông Hải 1-Q.Hải An-TP.Hải Phòng					
Số Tài khoản: 10921421361017 – NH Techcombank – Hải Phòng–					
009704060022265- NH VIB - HP					
Điện thoại:031.3555157 .....MST:0200453511					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: Công ty An Thịnh.....					
Địa chỉ: Bắc Giang.....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: .....MS : 0200522177					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước vận chuyển 84.880 kg thép cuộn từ Hải Phòng đi Bắc Giang	Chuyến	5	1.960.000	9.800.000
Cộng tiền hàng:					9.800.000
Thuế suất thuế GTGT: 10%....			Tiền Thuế:		980.000
Tổng cộng tiền thanh toán					10.780.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>Phan Cẩm Vân</i>					

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ chứng từ gốc kế toán phản ánh bút toán sau

{ Nợ TK 131: 10.780.000  
Có TK 511: 9.800.000  
Có TK 3331: 980.000

vào Sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.3)

Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật Ký Chung, kế toán ghi Sổ Cái TK 131 (Biểu 2.4)

Căn cứ chứng từ gốc, kế toán ghi sổ chi tiết thanh toán với người mua của Công ty thép An Thịnh.

**BIỂU SỐ 2.8. TRÍCH SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

**Đơn vị : Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**

**Mẫu số Số 32- DN**

**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC**

**Địa chỉ :**

**ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

**Tài khoản : 131**

**Đối tượng : Công ty thép An Thịnh**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ					<b>209.000.000</b>	
			SPS trong kỳ						
	0000 453	04/01	Doanh thu cước vận chuyên	511		9.800.000		218.800.000	
			Thuế GTGT đầu ra	33311		980.00		219.780.000	
			.....						
			<b>Tổng SPST1/2012</b>			<b>35.980.000</b>	<b>10.980.000</b>		
			Số dư cuối kỳ					<b>244.780.000</b>	
			Tổng phát sinh năm 2012				<b>452.712.340</b>	<b>394.712.340</b>	
			Số dư cuối năm					<b>267.047.660</b>	

Ngày ....tháng.....năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

**Ví dụ:** Ngày 07/01/2012 Công ty Đồng Đạt đặt trước tiền hàng cho công ty với số tiền 252.540.890 đồng bằng chuyển khoản qua TK ngân hàng Techcombank, kế toán nhận được Giấy báo Có số 02 tiến hành ghi sổ kế toán.

**BIỂU 2.9. GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK**  
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN  
**TECHCOMBANK**

Mẫu số: 01GTKT2/003

Ký hiệu: AA/13T

Số: 164390056134523.010002

*Trang 2/1*

**PHIẾU BÁO CÓ**

*(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)*

*Liên 2 – Giao khách hàng*

*Ngày 07 tháng 01 năm 2012*

Tên khách hàng: CTCP TM VAN TAI HOANG SON

Địa chỉ: 19A/311 DOAN XA, DONG HAI1, HAI AN, HP

Mã số thuế: 0200453511

Số ID KH: 21421361

Số TK: **109.21421361.01.7**

Loại tiền: **VND**

Loại TK: TIEN GUI THANH TOAN

Số bút toán hạch toán: TT1300203633\LHP

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Công ty Đồng Đạt chuyển khoản	252.540.890
<b>Tổng số tiền</b>	<b>252.540.890</b>

Số tiền bằng chữ: **Hai trăm năm mươi hai triệu năm trăm bốn mươi nghìn tám trăm chín mươi VND chẵn.**

Trích yếu: Công ty Đồng Đạt ứng trước tiền hàng.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Căn cứ chứng từ gốc kế toán phản ánh bút toán sau

{ Nợ TK 112: 252.540.890  
Có TK 131: 252.540.890

vào Sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.3)

Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật Ký Chung, kế toán ghi Sổ Cái TK 131 (Biểu 2.4)

Căn cứ chứng từ gốc, kế toán ghi sổ chi tiết thanh toán với người mua cho Công ty Đồng Đạt.

**BIỂU SỐ 2.10. TRÍCH SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

**Đơn vị : Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**

**Mẫu số Số 32- DN**

**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC**

**Địa chỉ :**

**ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

**Tài khoản : 131 - phải thu khách hàng**

**Đối tượng : Công ty Đồng Đạt**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kì</b>						<b><u>152.180.000</u></b>
			<b>SPS trong kì</b>						
	GB C03	07/0 1	Công ty đặt trước tiền hàng	112			252.540.890		404.720.890
			.....						
			<b>Tổng SPST1/2012</b>			<b>804.710.340</b>	<b>1.008.327.000</b>		
			<b>Số dư cuối T1/2012</b>						<b><u>355.796.660</u></b>
			<b>Tổng phát sinh năm 2012</b>			<b>6.252.760.000</b>	<b>6.334.782.350</b>		
			<b>Số dư cuối năm</b>						<b><u>234.202.350</u></b>

Ngày ....tháng.....năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)



**Ví dụ:** Ngày 08/01/2012 công ty Tiến Kiên thuê vận chuyển 84.880 kg thép cuộn từ Hải Phòng đi Hải Dương bằng số tiền là 7.875.047 đồng ( thuế VAT 10%). Khách hàng chưa thanh toán. Nhân viên kế toán tiến hành lập Hóa đơn GTGT số 0000454, giao cho khách hàng liên 2. Nhân viên kế toán sử dụng liên 3 để tiến hành ghi sổ kế toán.

**BIỂU 2.11. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0000454**

<b>HÓA ĐƠN</b>			Mẫu số 01GTKT3/001		
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			Ký hiệu: AA/11P		
Liên 3: Nội bộ			Số: 0000454		
Ngày 08 tháng 01 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn					
Địa chỉ: Số 19A, ngõ 311-Đoạn Xá-P.Đông Hải 1-Q.Hải An-TP.Hải Phòng					
Số Tài khoản: 10921421361017 – NH Techcombank – Hải Phòng–					
009704060022265- NH VIB - HP					
Điện thoại:031.3555157 .....MST:0200453511					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: Công ty Tiến Kiên.....					
Địa chỉ: Chí Linh - HD.....					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: .....MS : 0500582157					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Cước vận chuyển 84.880 kg thép cuộn từ Hải Phòng đi Hải Dương	Chuyến	5	1.431.826 .8	7.159.134
Cộng tiền hàng:					7.159.134
Thuế suất thuế GTGT: 10%....			Tiền Thuế:		715.913
Tổng cộng tiền thanh toán					7.875.047
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm bốn mươi bảy đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>Phan Cẩm Vân</i>					

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ chứng từ gốc kế toán phản ánh bút toán sau

{ Nợ 131: 7.875.047  
Có 511: 7.159.134  
Có 3331: 715.913

vào sổ nhật kí chung (Biểu 2.3)

Căn cứ vào số liệu trên sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131 (Biểu 2.4)

Căn cứ chứng từ gốc kế toán ghi sổ chi tiết thanh toán với người mua của Công ty Tiên Kiên.

**BIỂU SỐ 2.12. TRÍCH SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

**Đơn vị : Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**

**Mẫu số Số 32- DN**

**(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC**

**Địa chỉ :**

**ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

**Tài khoản : 131 - phải thu khách hàng**

**Đối tượng : Công ty Tiên Kiên**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kì</b>						
			<b>SPS trong kì</b>						
	00004 54	08/01	Doanh thu cước vận chuyển	511		7.159.134		7.159.134	
			Thuế GTGT đầu ra	3331		715.913		7.875.047	
			.....						
			<b>Tổng SPST1/2012</b>			<b>308.410.390</b>	<b>80.927.000</b>		
			<b>Số dư cuối T1/2012</b>					<b>227.483.390</b>	
			<b>Tổng phát sinh năm 2012</b>				<b>3.696.760.000</b>	<b>2.253.742.350</b>	
			<b>Số dư cuối năm</b>					<b>1.162.017.650</b>	

Ngày ....tháng.....năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

**Ví dụ:** Ngày 10/01/2012 Doanh nghiệp tư nhân Mạnh Năm đã thanh toán 50% cước vận chuyển theo HĐ 0000452 ngày 02/01/2012 bằng chuyển khoản, nộp tiền vào tài khoản của Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn tại ngân hàng Techcombank, ngân hàng Techcombank gửi giấy báo Có 03 về Công ty, kế toán nhận được tiền hành ghi sổ kế toán.

**BIỂU 2.13. GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK  
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN  
TECHCOMBANK**

Mẫu số: 01GTKT2/003

Ký hiệu: AA/13T

Số: 164390056134523.010003

*Trang 3/1*

**PHIẾU BÁO CÓ**

*(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)*

*Liên 2 – Giao khách hàng*

*Ngày 10 tháng 01 năm 2012*

Tên khách hàng: CTCP TM VAN TAI HOANG SON

Địa chỉ: 19A/311 DOAN XA, DONG HAI1, HAI AN, HP

Mã số thuế: 0200453511

Số ID KH: 21421361

Số TK: **109.21421361.01.7**

Loại tiền: **VND**

Loại TK: TIEN GUI THANH TOAN

Số bút toán hạch toán: TT1300203630\LHP

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Công ty Mạnh Năm thanh toán cước vận chuyển	30.000.000
<b>Tổng số tiền</b>	<b>30.000.000</b>

Số tiền bằng chữ: **Ba mươi triệu VND chẵn.**

Trích yếu: Công ty Mạnh Năm thanh toán 50% cước vận chuyển thép cuộn từ Hải Phòng đi Thạch Thất.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

**Ví dụ:** Ngày 15/01/2012 Công ty Mạnh Năm đặt trước tiền hàng với số tiền là 150.000.000 đồng bằng chuyển khoản qua TK ngân hàng Techcombank, kế toán nhận được Giấy báo Có số 04 tiến hành ghi sổ kế toán.

**BIỂU 2.14. GIẤY BÁO CÓ CỦA NGÂN HÀNG TECHCOMBANK**  
NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VN  
**TECHCOMBANK**

Mẫu số: 01GTKT2/003

Ký hiệu: AA/13T

Số: 164390056134523.010004

*Trang 4/1*

**PHIẾU BÁO CÓ**

*(Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ)*

*Liên 2 – Giao khách hàng*

*Ngày 15 tháng 01 năm 2012*

Tên khách hàng: CTCP TM VAN TAI HOANG SON

Địa chỉ: 19A/311 DOAN XA, DONG HAI1, HAI AN, HP

Mã số thuế: 0200453511

Số ID KH: 21421361

Số TK: **109.21421361.01.7**

Loại tiền: **VND**

Loại TK: TIEN GUI THANH TOAN

Số bút toán hạch toán: TT1300203634\LHP

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:

Nội dung	Số tiền
Công ty Mạnh Năm chuyển khoản	150.000.000
<b>Tổng số tiền</b>	<b>150.000.000</b>

Số tiền bằng chữ: **Một trăm năm mươi triệu VND chẵn.**

Trích yếu: Công ty Mạnh Năm ứng trước tiền hàng.

Lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ chứng từ gốc kế toán phản ánh bút toán sau

{ Nợ TK 112: 150.000.000  
Có TK 131: 150.000.000

vào Sổ Nhật Ký Chung (Biểu 2.3)

Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật Ký Chung kế toán ghi Sổ Cái TK 131 (Biểu 2.4)

Căn cứ chứng từ gốc kế toán ghi Sổ chi tiết thanh toán với người mua cho Công ty Mạnh Năm (Biểu 2.5)

Căn cứ các Sổ chi tiết thanh toán với người mua cho từng đối tượng khách hàng (Biểu 2.5, biểu 2.8, biểu 2.10, biểu 2.12) kế toán ghi Sổ tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng.

**BIỂU 2.15. TRÍCH BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

<b>BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TK 131</b>						
Từ ngày 01/01 đến ngày 31/12						
Tên đối tượng	Số dư đầu kỳ		Số PS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Công ty Mạnh Năm	-		6.372.364.524	6.486.240.000	-	113.875.476
Công ty An Thịnh	209.000.000		452.760.000	394.712.340	267.047.660	
Công ty Đồng Đạt		152.180.000	6.252.760.000	6.334.782.350		234.202.350
Công ty Tiến Kiên	-		3.696.760.000	2.534.742.350	1.162.017.650	
.....						
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.269.693.485</b>	<b>152.180.000</b>	<b>55.467.327.902</b>	<b>60.763.102.276</b>	<b>5.000.919.111</b>	<b>348.077.826</b>
Người lập biểu					Lập ngày ... tháng... năm Kế toán trưởng	

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)



Căn cứ số liệu trên Sổ cái TK 131 (Biểu 2.4) kế toán lập Bảng cân đối tài khoản năm 2012

**BIỂU 2.16. BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CP TM VT HOÀNG SƠN

Địa chỉ: 19A/ 311 Đoạn Xá, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI TÀI KHOẢN**

**01/01/2012 ĐẾN 31/12/2012**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Số hiệu	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	3	5	6
111	Tiền mặt	454.702.740		46.598.723.654	46.108.750.898	944.675.496	
112	Tiền gửi ngân hàng	176.717.807		109.112.333.11	109.274.784.05	14.266.869	
131	Phải thu của khách	10.269.693.485		55.467.327.902	60.736.102.276	5.000.919.111	
133	Thuế GTGT được khấu			5.094.882.145	4.968.527.625	126.354.520	
156	Hàng hóa	25.790.493.875		36.323.738.417	37.605.375.004	24.508.857.288	
211	Tài sản cố định	13.237.454.484		0	0	13.237.454.484	
214	Hao mòn tài sản cố định		6.589.297.715	0	861.622.178		7.450.919.893
242	Chi phí trả trước dài	1.656.159.316		0	0	1.656.159.316	
311	Vay ngắn hạn		27.999.813.222	45.037.239.899	45.033.457.015		27.996.030.338
331	Phải trả cho người bán	15.000.000.000	8.557.742.481	46.295.511.466	43.167.096.253	15.000.000.000	5.429.327.268
3331	Thuế GTGT phải nộp		18.964.083	1.653.245.862	1.634.281.779		-
3334	Thuế TNDN		2.112.202.999	2.454.195.047	382.126.496		40.134.448
338	Các loại thuế khác			3.000.000	3.000.000	-	-
334	Phải trả người lao động			816.000.000	816.000.000	-	-
341	Vay, nợ dài hạn		5.873.805.550	1.081.305.556	-		4.792.499.994
411	Nguồn vốn kinh doanh		10.000.000.000	0	0	-	10.000.000.000

421	Lợi nhuận chưa phân phối		5.433.395.657	1.800.000.000	1.146.379.487		4.779.775.143
511	Doanh thu bán hàng và cung			55.749.589.869	55.749.589.869		
5111	Doanh thu bán hàng			48.678.900.456	48.678.900.456		
5113	Doanh thu dịch vụ			7.070.689.413	7.070.689.413		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			4.034.232	4.034.232		
632	Giá vốn hàng bán			50.496.597.425	50.496.597.425		
6321	Giá vốn hàng mua			37.605.375.004	37.605.375.004		
6322	Giá vốn dịch vụ			12.891.222.421	12.891.222.421		
6322	Chi phí nguyên liệu			6.445.611.211	6.445.611.211		
6322	Chi phí tiền lương			816.000.000	816.000.000		
6322	Chi phí khấu hao			861.622.178	861.622.178		
6322	Chi phí sửa chữa			1.611.402.803	1.611.402.803		
6322	Chi phí phụ tùng thay thế			1.611.402.803	1.611.402.803		
6322	Chi phí dịch vụ mua ngoài			1.545.183.427	1.545.183.427		
635	Chi phí tài chính			3.581.596.370	3.581.596.370		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			189.456.324	189.456.324		
711	Thu nhập khác			42.532.000	42.532.000		
811	Chi phí khác			0	0		
821	Chi phí thuế TNDN			382.126.496	382.126.496		
911	Xác định kết quả kinh doanh			55.796.156.101	55.796.156.101		
	Cộng	66.585.221.707	66.585.221.707	537.941.503.715	537.941.503.715	60.488.687.084	60.488.687.084

Lập, ngày 02 tháng 01 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ số liệu trên Sổ tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng (Biểu 2.15) kế toán lập Bảng cân đối kế toán.

**BIỂU 2.17. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị báo cáo: CÔNG TY CP TM VT HOÀNG SƠN

Địa chỉ: 19A/ 311 Đoạn Xá, Đông Hải 1, Hải An, Hải Phòng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**01/01/2012 ĐẾN 31/12/2012**

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN( 100=110+120+130+140+16</b>	<b>100</b>		<b>45.595.073.284</b>	<b>51.691.607.907</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>(III.01)</b>	<b>958.942.365</b>	<b>631.420.547</b>
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>(III.05)</b>		
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>20.000.919.111</b>	<b>25.269.693.485</b>
1. Phải thu khách hàng	131		5.000.919.111	10.269.693.485
2. Trả trước cho người bán	132		15.000.000.000	15.000.000.000
3. Các khoản phải thu khác	138			
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>24.508.857.288</b>	<b>25.790.493.875</b>
1. Hàng tồn kho	141	(III.02)	24.508.857.288	25.790.493.875
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>126.354.520</b>	
1. Thuế GTGT được khấu trừ	151		126.354.520	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	152			
3. Tài sản ngắn hạn khác	158			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN( 200=</b>	<b>200</b>		<b>7.442.693.907</b>	<b>8.304.316.085</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>210</b>	<b>(III.03.04)</b>	<b>5.786.534.591</b>	<b>6.648.156.769</b>
1. Nguyên giá	211		13.237.454.484	13.237.454.484
2. Giá trị hao mòn lũy kế	212		(7.450.919.893)	(6.589.297.715)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			
<b>II. Bất động sản đầu tư</b>	<b>220</b>			
1. Nguyên giá	221			
2. Giá trị hao mòn lũy kế	222			
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>230</b>	<b>(III.05)</b>		
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài	239			
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>240</b>		<b>1.656.159.316</b>	<b>1.656.159.316</b>
1. Phải thu dài hạn	241			
2. Tài sản dài hạn khác	248		1.656.159.316	1.656.159.316
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	249			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN( 250=100+200)</b>	<b>.250</b>		<b>53.037.767.191</b>	<b>59.995.923.992</b>

*Khóa luận tốt nghiệp*

<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ ( 300= 310+ 320)</b>	<b>300</b>		<b>38.257.992.048</b>	<b>44.562.528.335</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>33.465.492.054</b>	<b>38.688.722.785</b>
1. Vay ngắn hạn	311		27.996.030.338	27.999.813.222
2. Phải trả cho người bán	312		5.429.327.268	8.557.742.481
3. Người mua trả tiền trước	313		348.077.826	152.180.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(III.06)	40.134.448	2.131.167.082
5 Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318			
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>320</b>		<b>4.792.499.994</b>	<b>5.873.805.550</b>
1. Vay và nợ dài hạn	321		4.792.499.994	5.873.805.550
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	322			
3. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	328			
4. Dự phòng phải trả dài hạn	329			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>14.779.775.143</b>	<b>15.433.395.657</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>(III.07)</b>	<b>14.779.775.143</b>	<b>15.433.395.657</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ(*)	414			
5.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		4.779.775.143	5.433.395.657
<b>II. Quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>53.037.767.191</b>	<b>59.995.923.992</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1.Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		
5. Ngoại tệ các loại		

Lập, ngày 02 tháng 01 năm 2013

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

## **2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán (nhà cung cấp) tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Vận Tải Hoàng Sơn**

### **2.3.1. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán**

#### **2.3.1.1. Chứng từ sử dụng**

Hợp đồng kinh tế về cung cấp hàng hoá

Hoá đơn GTGT của nhà cung cấp giao cho công ty

Hoá đơn vận tải

Phiếu nhập kho

Giấy đề nghị tạm ứng

Giấy thanh toán tiền tạm ứng

Phiếu chi

Giấy báo Nợ

Ủy nhiệm chi

#### **2.3.1.2. Tài khoản sử dụng**

Để theo dõi tình hình thanh toán với nhà cung cấp về số tiền mua hàng hóa Công ty sử dụng tài khoản 331- Phải trả người bán, tài khoản này được theo dõi chi tiết cho từng nhà cung cấp và có kết cấu như sau:

#### **Bên Nợ:**

- Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người nhận thầu xây lắp;
- Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm xây lắp hoàn thành bàn giao;
- Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng;
- Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ và khoản nợ phải trả cho người bán;
- Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán.

**Bên Có:**

- Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ và người nhận thầu xây lắp;
- Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, khi có hóa đơn hoặc thông báo giá chính thức.

**Số dư bên Có:** Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp. Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.

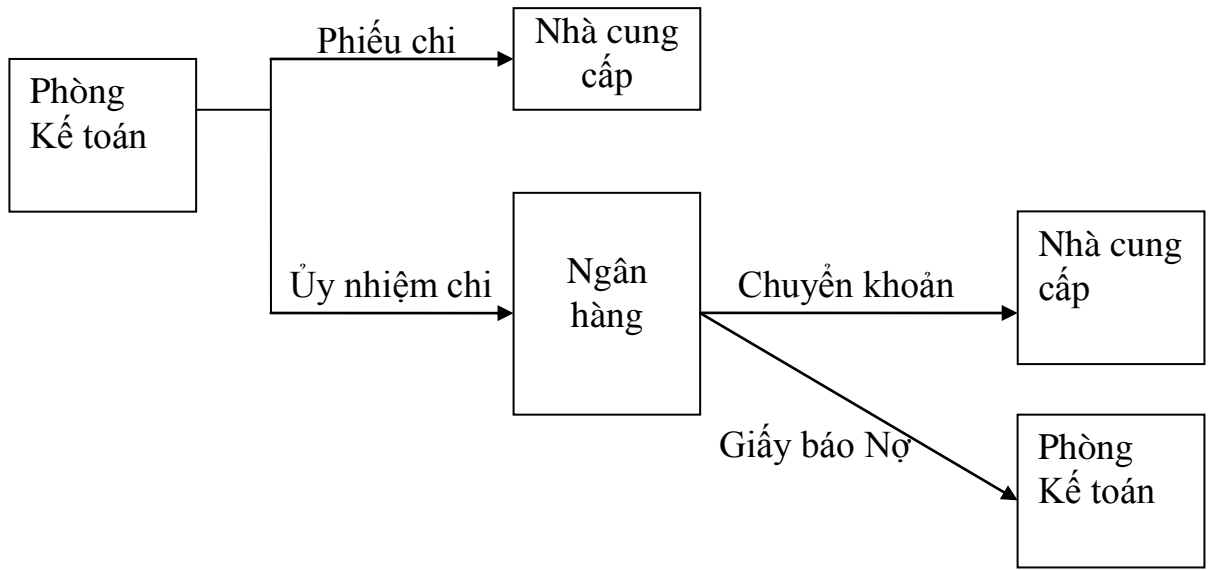
**2.3.1.3. Sổ sách sử dụng**

- Sổ chi tiết thanh toán với người mua TK 331
- Bảng tổng hợp thanh toán với người mua TK 331
- Sổ cái TK 331
- Sổ nhật ký chung

**2.3.2. Kế toán tổng hợp và chi tiết thanh toán với người bán**

Nợ phải trả cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết phải trả ngắn hạn, phải trả dài hạn và ghi chép từng lần thanh toán. Đối tượng phải trả là các nhà cung cấp có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả tài sản cố định, bất động sản đầu tư.

**SƠ ĐỒ 2.6. QUY TRÌNH LUÂN CHUYỂN CHỨNG TỪ THANH TOÁN  
VỚI NGƯỜI BÁN**



**Ví dụ:** Ngày 04/01/2013 mua 11355 lít dầu Diezel của Công ty cổ phần thương mại Bình Phát, số tiền 242.429.250 đồng theo hóa đơn GTGT số 0001245 ( thuế VAT 10%), chưa thanh toán.

**BIỂU 2.18. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0001245**

<b>HÓA ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Ký hiệu: AA/11P			
Liên 2: ( Giao khách hàng)		Số: <b>0001245</b>			
Ngày 04 tháng 1 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại Bình Phát					
Địa chỉ: Số 220 Vũ Chí Thắng, phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng					
Số Tài khoản:.....					
Điện thoại: .....MST: 0201137822					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: : Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.....					
Địa chỉ: Số 19A, ngõ 311, Đoạn Xá, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Hải Phòng					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: .....MS : 0200453511					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Dầu Diezel	Lít	11355	19.409,09	220.390.227
Cộng tiền hàng:					220.390.227
Thuế suất thuế GTGT: 10%....			Tiền Thuế:		22.039.023
Tổng cộng tiền thanh toán					242.429.250
Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bốn mươi hai triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi đồng.....					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)



Căn cứ hóa đơn GTGT kê toán phản ánh bút toán sau

{ Nợ 632: 220.390.227  
 Nợ 133: 22.039.023  
 Có 331: 242.429.250  
 vào Sổ nhật kí chung

## BIỂU 2.19. TRÍCH SỔ NHẬT KÝ CHUNG

### SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		<b>Số trang trước chuyển sang</b>			
		....			
2/1	PC001	Thanh toán cước đt	642 133 111	75.832 7.583	83.415
2/1	SP001/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111 112	755.000.000	755.000.000
3/1	SP002/12	Trả nợ lãi vay khế ước số 529	635 112	17.244.384	17.244.384
3/1	SP002/13	Trả nợ gốc khế ước số 529	311 112	81.805.556	81.805.556
3/1	PC002	Thanh toán cước đt	642 113 111	79.529 7.952	87.481
<b>4/1</b>	<b>0001245</b>	<b>Mua dầu diesel công ty Bình Phát</b>	<b>632 133 331</b>	<b>220.390.227 22.039.023</b>	<b>242.429.250</b>
7/1	GBC03	Công ty Đồng Đạt đặt trước tiền hàng	112 131	252.540.890	252.540.890
8/1	0000454	Doanh thu cước vận chuyển công ty Tiến Kiên	131 511 3331	7.875.047	7.159.134 715.913
8/1	PC003	Thanh toán cước đt	642 133 111	260.582 26.058	286.640
8/1	PC004	Thanh toán cước đt	642 133	2.860.944 286.094	3.147.038

Khóa luận tốt nghiệp

			111		
<b>10/01</b>	<b>UNC003</b>	<b>Thanh toán tiền dầu công ty Bình Phát</b>	<b>331 112</b>	<b>75.846.800</b>	<b>75.846.800</b>
10/01	UNC004	Thanh toán tiền lớp công ty Minh Ngọc	331 112	28.611.000	28.611.000
16/01	0001248	Mua dầu diesel công ty Bình Phát	632 133 331	220.390.227 22.039.023	242.429.250
<b>25/01</b>	<b>0001625</b>	<b>Mua thép công ty Quang Liên</b>	<b>156 133 331</b>	<b>3.756.300.800 375.630.080</b>	<b>4.131.930.880</b>
<b>26/01</b>	<b>UNC005</b>	<b>Thanh toán tiền thép cho cty Quang Liên</b>	<b>331 112</b>	<b>4.131.930.880</b>	<b>4.131.930.880</b>
<b>27/01</b>	<b>UNC006</b>	<b>Đặt trước tiền hàng cho cty Quang Liên</b>	<b>331 112</b>	<b>150.000.000</b>	<b>150.000.000</b>
28/01	UNC007	Thanh toán tiền dầu công ty Bình Phát	331 112	73.846.750	73.846.750
<b>31/01</b>	<b>0000436</b>	<b>Mua lớp, sảm, yếm của công ty Minh Ngọc chưa thanh toán</b>	<b>632 133 331</b>	<b>75.818.182 7.581.818</b>	<b>83.400.000</b>
31/01	0001252	Mua dầu diesel công ty Bình Phát	632 133 331	220.390.227 22.039.023	242.429.250
31/01	0000346	Sửa chữa phụ tùng thay thế	632 133 331	200.000.000 20.000.000	220.000.000
		.....			
		<b>Cộng phát sinh T1/2012</b>		<b>58.367.976.256</b>	<b>58.367.976.256</b>
		.....			
		<b>Cộng lũy kế năm 2012</b>		<b>537.941.503.715</b>	<b>537.941.503.715</b>

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ số liệu trên Sổ nhật ký chung biểu 2.19 kế toán ghi Sổ Cái TK 331.

**BIỂU 2.20. TRÍCH SỔ CÁI TK 331**

**SỔ CÁI**

**PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

**Năm 2013**

**SHTK: 331**

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
NT	SH			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			<b><u>8.557.742.481</u></b>
<b>4/1</b>	<b>0001245</b>	<b>Mua dầu diesel công ty Bình Phát</b>	<b>632 133</b>		<b>220.390.227 22.039.023</b>
<b>10/01</b>	<b>UNC003</b>	<b>Thanh toán tiền dầu công ty Bình Phát</b>	<b>112</b>	<b>75.846.800</b>	
10/01	UNC004	Thanh toán tiền lớp công ty Minh Ngọc	112	28.611.000	
16/01	0001248	Mua dầu diesel công ty Bình Phát	632 133		220.390.227 22.039.023
<b>25/01</b>	<b>0001625</b>	<b>Mua thép công ty Quang Liên</b>	<b>156 133</b>		<b>3.756.300.800 375.630.080</b>
<b>26/01</b>	<b>UNC005</b>	<b>Thanh toán tiền thép cho cty Quang Liên</b>	<b>112</b>	<b>4.131.930.880</b>	
<b>27/01</b>	<b>UNC006</b>	<b>Đặt trước tiền hàng cho cty Quang Liên</b>	<b>112</b>	<b>150.000.000</b>	
28/01	UNC007	Thanh toán tiền dầu công ty Bình Phát	112	73.846.750	73.846.750
<b>31/01</b>	<b>0000436</b>	<b>Mua lớp, sãm, yếm của công ty Minh Ngọc</b>	<b>632 133</b>		<b>75.818.182 7.581.818</b>
31/01	0001252	Mua dầu diesel công ty Bình Phát	632 133		220.390.227 22.039.023
		.....			
		<b>Cộng phát sinh T1/2012</b>		<b>3.857.916.667</b>	<b>4.597.250.000</b>
		<b>Số dư cuối T1/2012</b>			<b><u>9.297.075.814</u></b>
		.....			
		<b>Cộng lũy kế năm 2012</b>		<b>46.295.511.466</b>	<b>43.167.096.253</b>
		<b>Số dư cuối năm 2012</b>			<b><u>5.429.327.268</u></b>

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ chứng từ gốc kế toán ghi Sổ chi tiết thanh toán với người bán của Công ty Bình Phát

**BIỂU SỐ 2.21. TRÍCH SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

**Tài khoản : 331. Phải trả người bán**

**Đối tượng : Công ty cổ phần thương mại Bình Phát**

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>						<b><u>220.390.227</u></b>
	0001245	04/01	Mua dầu Diezel	632			220.390.227		440.780.454
			Thuê GTGT VAT 10%	133			22.039.023		462.819.477
	10/01	UNC003	Thanh toán tiền dầu	112		75.846.800			386.972.677
	0001248	16/01	Mua dầu Diezel	632			220.390.227		607.362.904
			Thuế VAT 10%	133			22.039.023		639.401.927
	UNC0004	28/01	Thanh toán tiền dầu	112		73.846.750			555.555.177
	0001252	31/01	Mua dầu Diezel	632			220.390.227		775.945.404
			Thuế VAT 10%	133			22.039.023		797.984.427
			.....						
			<b>Tổng phát sinh T1/2012</b>			<b>302.645.536</b>	<b>943.435.028</b>		
			<b>Số dư cuối T1/2012</b>						<b><u>861.179.719</u></b>
			<b>Tổng số phát sinh năm 2012</b>			<b>7.031.740.000</b>	<b>10.316.715.000</b>		
			<b>Số dư cuối năm</b>						<b><u>3.505.365.227</u></b>

Ngày ....tháng.....năm.....

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

**Ví dụ:** Ngày 10/01 thanh toán tiền đầu công ty Bình Phát với số tiền 75.846.800 đồng bằng tài khoản tiền gửi Ngân hàng Techcombank theo Ủy nhiệm chi 003.

**BIỂU SỐ 2.22. ỦY NHIỆM CHI SỐ 003**

<b>ỦY NHIỆM CHI</b>		
<b>PAYMENT ORDER</b>		
Tên đơn vị trả tiền: <b>Công ty CPTM vận</b>		
<b>tải Hoàng Sơn</b>	Số: 003	
Số TK: <b>109 214 213 61 017</b>	Lập ngày: 10/01/2012	
Tại Ngân hàng: <b>Techcombank</b>	<b>PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI</b>	
Chi nhánh: <b>Hải Phòng</b>	<b>TÀI KHOẢN NỢ</b>	
Tên đơn vị nhận tiền: <b>Công ty Cổ phần</b>		
<b>thương mại Bình Phát</b>		
Số TK: <b>100 400 23733 050026</b>	.....	
Tại Ngân hàng: <b>Techcombank</b>	<b>TÀI KHOẢN CÓ</b>	
Chi nhánh: <b>Hải Phòng</b>	.....	
Số tiền bằng chữ: <b>Bảy mươi lăm triệu</b>		
<b>tám trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm</b>	<b>SỐ TIỀN BẰNG SỐ</b>	
<b>đồng./</b>	<b>75.846.800đ</b>	
Nội dung thanh toán: <b>thanh toán tiền đầu</b>		
<b>Đơn vị trả tiền</b>	<b>Ngân hàng A</b>	<b>Ngân hàng B</b>
(ký)	(ký)	(ký)

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ ủy nhiệm chi kế toán phản ánh bút toán sau

{ Nợ TK 331: 75.846.800  
Có TK 112: 75.846.800  
Vào Sổ nhật ký chung Biểu 2.19

Căn cứ số liệu trên Sổ nhật ký chung kế toán ghi Sổ Cái TK 331 Biểu 2.20

Căn cứ ủy nhiệm chi kế toán ghi sổ chi tiết thanh toán với người bán của Công ty Bình Phát (Biểu 2.21)

**Ví dụ:** Ngày 25/01/2012 mua thép của công ty Quang Liên, số tiền 4.131.930.880 đồng theo hóa đơn GTGT số 0001625, chưa thanh toán.

**BIỂU 2.23. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0001625**

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/11P			
Liên 2: ( Giao khách hàng)		Số: <b>0001625</b>			
Ngày 25 tháng 1 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại Quang Liên.....					
Địa chỉ: Số 68 Máy Tơ, Phường Máy Tơ, Q.Ngô Quyền, HP					
Số Tài khoản:.....					
Điện thoại: .....MST: 0501134822					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: : Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.....					
Địa chỉ: Số 19A, ngõ 311, Đoạn Xá, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Hải Phòng					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: .....MS : 0200453511					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Thép cuộn	Kg	179.000	20.984,92	3.756.300.800
Cộng tiền hàng:					3.756.300.800
Thuế suất thuế GTGT: 10%....			Tiền Thuế:		375.630.080
Tổng cộng tiền thanh toán					4.131.930.880
Số tiền viết bằng chữ: Bốn tỷ một trăm ba mươi một triệu chín trăm ba mươi nghìn tám trăm tám mươi đồng.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)



Căn cứ HĐ GTGT kế toán phản ánh bút toán sau

{ Nợ TK 156: 3.756.300.800  
Nợ TK 133: 375.630.000  
Có TK 331: 4.131.930.000

vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19)

Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái TK 331 (Biểu 2.20)

Căn cứ HĐ GTGT kế toán ghi Sổ chi tiết thanh toán với người bán của Công ty Quang Liên.



**BIỂU SỐ 2.25. TRÍCH SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

Đơn vị : Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn

Mẫu số Số 32- DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

Tài khoản : 331. Phải trả người bán

Đối tượng : Công ty cổ phần thương mại Quang Liên

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>Số dư đầu kỳ</b>						-
	00016 25	25/10	Mua thép của công ty	156			3.756.300.800		3.756.300.800
			Thuế GTGT VAT 10%	133			375.630.080		4.131.930.880
	UNC0 05	26/01	Thanh toán tiền thép	112		4.131.930.800			-
	UNC0 06	27/01	Đặt trước tiền thép	112		150.000.000		150.000.000	
			<b>Tổng phát sinh T1/2012</b>			<b>4.281.930.800</b>	<b>4.131.930.800</b>		
			<b>Số dư cuối T1/2012</b>					<b>150.000.000</b>	
			<b>Tổng số phát sinh năm 2012</b>			<b>24.653.756.926</b>	<b>26.643.092.614</b>		
			<b>Số dư cuối năm</b>						<b>1.989.335.690</b>

Ngày ....tháng.....năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Ví dụ:** Ngày 26/01/2012 thanh toán tiền thép của công ty Quang Liên, số tiền 4.131.930.880 đồng theo hóa đơn GTGT số 0001625 bằng chuyển khoản qua TK ngân hàng Techcombank theo Ủy nhiệm chi số 005.

**BIỂU SỐ 2.26. ỦY NHIỆM CHI SỐ 005**

<b>ỦY NHIỆM CHI</b>		
<b>PAYMENT ORDER</b>		
Tên đơn vị trả tiền: <b>Công ty CPTM vận</b>		
<b>tải Hoàng Sơn</b>	Số: 005	
Số TK: <b>109 214 213 61 017</b>	Lập ngày: 26/01/2012	
Tại Ngân hàng: <b>Techcombank</b>	<b>PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI</b>	
Chi nhánh: <b>Hải Phòng</b>	<b>TÀI KHOẢN NỢ</b>	
Tên đơn vị nhận tiền: <b>Công ty Cổ phần</b>		
<b>thương mại Quang Liên</b>		
Số TK: <b>400 400 22733 000022</b>	.....	
Tại Ngân hàng: <b>Oceanbank</b>	<b>TÀI KHOẢN CÓ</b>	
Chi nhánh: <b>Hải Phòng</b>	.....	
Số tiền bằng chữ: <b>Bốn tỷ một trăm ba</b>		
<b>mười một triệu chín trăm ba mươi</b>	<b>SỐ TIỀN BẰNG SỐ</b>	
<b>ngàn tám trăm tám mươi đồng./</b>	<b>4.131.930.880đ</b>	
Nội dung thanh toán: <b>thanh toán tiền</b>		
<b>thép</b>		
<b>Đơn vị trả tiền</b>	<b>Ngân hàng A</b>	<b>Ngân hàng B</b>
(ký)	(ký)	(ký)

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ ủy nhiệm chi kế toán phản ánh bút toán sau

{ Nợ TK 331: 4.131.930.880  
Có TK 112: 4.131.930.880

vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19)

Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái TK 331 (Biểu 2.20)

Căn cứ chứng từ gốc kế toán ghi Sổ chi tiết thanh toán người bán công ty Quang Liên (Biểu 2.25)

**Ví dụ:** ngày 27/01/2012 phát sinh nghiệp vụ đặt trước tiền hàng cho Công ty Quang Liên với số tiền 150.000.000 đồng theo Ủy Nhiệm chi số 006.

**BIỂU SỐ 2.27. ỦY NHIỆM CHI SỐ 006**

<b>ỦY NHIỆM CHI.</b>		
<b>PAYMENT ORDER</b>		
Tên đơn vị trả tiền: <b>Công ty CPTM vận tải</b>		
<b>Hoàng Sơn</b>	Số: 006	
Số TK: <b>109 214 213 61 017</b>	Lập ngày: 27/01/2012	
Tại Ngân hàng: <b>Techcombank</b>	PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI	
Chi nhánh: <b>Hải Phòng</b>	TÀI KHOẢN NỢ	
Tên đơn vị nhận tiền: <b>Công ty Cổ phần</b>		
<b>thương mại Quang Liên</b>		
Số TK: <b>400 400 22733 000022</b>	.....	
Tại Ngân hàng: <b>Oceanbank</b>	TÀI KHOẢN CÓ	
Chi nhánh: <b>Hải Phòng</b>	.....	
Số tiền bằng chữ: <b>Một trăm năm mươi</b>	SỐ TIỀN BẰNG SỐ	
<b>triệu đồng chẵn./</b>	150.000.000	
Nội dung thanh toán: <b>Đặt trước tiền hàng</b>		
<b>Đơn vị trả tiền</b>	<b>Ngân hàng A</b>	<b>Ngân hàng B</b>
(ký)	(ký)	(ký)

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ ủy nhiệm chi kế toán phản ánh bút toán sau

{ Nợ TK 331: 150.000.000  
Có TK 112: 150.000.000

vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19)

Căn cứ số liệu trên Sổ Nhật ký chung kế toán ghi Sổ cái TK 331 (Biểu 2.20)

Căn cứ ủy nhiệm chi kế toán ghi Sổ chi tiết thanh toán người bán công ty Quang Liên (Biểu 2.25)

**Ví dụ:** Ngày 31/01/2012 phát sinh nghiệp vụ mua lớp, sắm, yếm của Công ty Minh Ngọc theo hóa đơn GTGT số 0000436, số tiền 83.400.000 (VAT 10%).

**BIỂU 2.28. HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG SỐ 0000436**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Mẫu số : 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số: <b>0000436</b>		
Liên 2: ( Giao khách hàng) Ngày 31 tháng 1 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thương mại Minh Ngọc.....					
Địa chỉ: Hải An – Hải Phòng					
Số Tài khoản:.....					
Điện thoại: .....MST: 0201634422					
Họ tên người mua hàng: .....					
Tên đơn vị: : Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.....					
Địa chỉ: Số 19A, ngõ 311, Đoạn Xá, phường Đông Hải 1, quận Hải An, Hải Phòng					
Số tài khoản:.....					
Hình thức thanh toán: .....MS : 0200453511					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Lớp, sắm, yếm	Bộ	18	4.212.121,22	75.818.182
Cộng tiền hàng:					75.818.182
Thuế suất thuế GTGT: 10%....			Tiền Thuế:		7.581.818
Tổng cộng tiền thanh toán					83.400.000
Số tiền viết bằng chữ: Tám mươi ba triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ HĐ GTGT kê toán phản ánh bút toán sau

Nợ TK 632: 75.818.182

Nợ TK 133: 7.581.818

Có TK 112: 41.700.000

Có TK 331: 41.700.000

vào Sổ Nhật ký chung (Biểu 2.19)

Căn cứ số liệu trên Sổ nhật ký chung, kê toán ghi sổ cái TK 331 (Biểu 2.20)

Căn cứ HĐ GTGT kê toán ghi sổ chi tiết thanh toán với người bán Công ty Minh Ngọc.

**BIỂU SỐ 2.29. TRÍCH SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

Đơn vị : Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn

Mẫu số Số 32- DN

Địa chỉ:

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản : 331. Phải trả người bán

Đối tượng : Công ty cổ phần thương mại Minh Ngọc

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Thời hạn CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						<b>320.000.000</b>
	10/01	UNC004	Thanh toán tiền lớp	112		28.611.000			291.398.000
	00004 36	31/01	Mua lớp, sắm, yếm	632			75.818.182		367.216.182
			Thuế VAT 10%	133			7.581.818		374.798.000
			.....						
			<b>Tổng phát sinh T1/2012</b>			<b>84.611.000</b>		<b>125.100 .000</b>	
			<b>Số dư tháng 1/2012</b>						<b>360.489.000</b>
			<b>Tổng số phát sinh năm 2012</b>			<b>1.015.332.000</b>	<b>1.500.100.000</b>		
			<b>Số dư cuối năm</b>						<b>804.768.000</b>

Ngày ....tháng.....năm.....

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

( Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn)

Căn cứ các sổ chi tiết thanh toán người bán của từng đối tượng nhà cung cấp (Biểu 2.21, biểu 2.25, biểu 2.29)

Kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người bán.

**BIỂU 2.30. TRÍCH BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN**

<b>BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TK 331</b>						
Từ ngày 01/01 đến ngày 31/01						
Tên đối tượng	Số dư đầu kỳ		Số PS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
Công ty cổ phần thương mại Bình Phát	-	220.390.227	7.031.740.000	10.316.715.000	-	3.505.365.227
Công ty cổ phần thương mại Quang Liên	-	-	24.653.756.926	26.643.092.614		1.989.335.690
Công ty cổ phần thương mại Minh Ngọc	-	320.000.000	1.015.332.000	1.500.100.000	-	804.768.000
.....						
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>8.557.742.481</b>	<b>46.295.511.466</b>	<b>43.167.096.253</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>5.429.327.268</b>
Người lập biểu	Lập ngày ... tháng... năm Kế toán trưởng					

Căn cứ số liệu trên sổ tổng hợp chi tiết thanh toán với người bán (Biểu 2.28) kê toán lập Bảng cân đối tài khoản (Biểu 2.16)

Căn cứ số liệu trên sổ cái TK331 (Biểu 2.20) kê toán lập Bảng cân đối kê toán (Biểu 2.17)

#### **2.4. Thực trạng phân tích tình hình tài chính thông qua phân tích tình hình, nhu cầu và khả năng thanh toán của doanh nghiệp.**

- Thực trạng tài chính của doanh nghiệp chịu ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình, nhu cầu và khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Qua Bảng cân đối kê toán (Biểu 2.17) cho thấy được tình hình tài sản hiện có và nguồn hình thành tài sản đó của Công ty. Căn cứ vào Bảng cân đối kê toán có thể nhận xét đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên để thấy rõ hơn một cách cụ thể được tình hình tài chính của Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn hiện tại và tương lai, cần xác định được các chỉ tiêu phân tích nhu cầu và khả năng thanh toán của Công ty thông qua bảng sau:

**BIỂU 2.31. BẢNG TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU PHẢN ÁNH TÌNH HÌNH THANH TOÁN**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
1	Hệ số khả năng thanh toán tổng quát ( Tổng tài sản/Tổng số nợ phải trả)	2,68	3,4
2	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Tổng số nợ ngắn hạn)	0,58	0,94
3	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	0,16	0,52
4	Hệ số khả năng thanh toán tức thời	0,03	0,11
5	Tỷ lệ các khoản phải thu so với các khoản phải trả	40,3	65,98
6	Tỷ lệ các khoản phải trả so với các khoản phải thu	248,5	151,5



Qua bảng trên ta thấy được:

- Hệ số khả năng thanh toán tổng quát thay đổi qua từng năm, giá trị của hệ số năm 2011, 2012 đều lớn hơn 1, điều này cho thấy tổng số tài sản hiện có của doanh nghiệp bảo đảm trang trải được các khoản nợ phải trả.
- Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của năm 2011 là  $0,58 < 1$ , điều này cho thấy năm 2011 Công ty chưa đáp ứng được việc thanh toán được các khoản nợ ngắn hạn. Nguyên nhân là do cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động đến nhiều quốc gia trong đó có Việt Nam. Và đến năm 2012, trị số của chỉ tiêu đã tăng gần gấp đôi so với năm 2011, từ 0,58 đến  $0,94 \sim 1$ , qua đó thấy được Công ty đang trên đà phục hồi nhanh chóng.
- Hai chỉ tiêu: hệ số khả năng thanh toán nhanh và hệ số khả năng thanh toán tức thời của 2 năm đều có giá trị  $< 1$ , điều này xuất phát từ tăng các khoản nợ ngắn hạn và giảm vốn bằng tiền. Tuy nhiên các giá trị này đang có xu hướng tăng lên, điều đó chứng tỏ Công ty đang cải thiện khả năng thanh toán trong thời gian thanh toán các khoản nợ của Công ty.
- Tỷ lệ các khoản phải thu so với các khoản phải trả trong 02 năm đều nhỏ hơn 1 cho thấy Công ty đi chiếm dụng vốn hơn là bị chiếm dụng vốn. Điều này cho thấy được Công ty đã có nhiều kế hoạch trong việc thu hồi các khoản phải thu để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty được hiệu quả.
- Tỷ lệ các khoản phải trả so với các khoản phải thu trong 02 năm đều lớn hơn 1, năm 2011 tỷ lệ 248,5 giảm xuống 151,5 năm 2012. Điều này chứng tỏ Công ty thanh toán được các khoản nợ phải trả. Tình hình thanh toán của Công ty khả quan.

### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI VIỆC TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CÔNG NỢ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VẬN TẢI HOÀNG SƠN

### 3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán nói riêng tại công ty Cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn

Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn là doanh nghiệp kinh doanh thương mại trong lĩnh vực vận tải, để có thể đứng vững trên thị trường trong nước cũng như quốc tế trong những năm gần đây công ty đã chủ động mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh. Việc mở rộng kinh doanh đồng nghĩa với việc số lượng người cung cấp và khách hàng của công ty cũng ngày càng nhiều và đa dạng hơn. Bên cạnh những khách hàng truyền thống còn có thêm nhiều khách hàng mới cùng với lượng giao dịch ngày càng nhiều lên do vậy công tác kế toán công nợ với nhà cung cấp và khách hàng của công ty ngày càng được coi trọng và hoàn thiện hơn trước. Quản lý tốt phần hành kế toán thanh toán với người mua và người bán sẽ giúp cho công tác quản lý tài chính của công ty.

Kế toán thanh toán với người mua và người bán của Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn có cả ưu và nhược điểm. Nhiệm vụ của kế toán là phải tìm cách phát huy những điểm mạnh và hạn chế và tìm cách khắc phục những điểm yếu để công tác quản lý tài chính ngày càng hiệu quả hơn.

#### 3.1.1. Ưu điểm

*\*Bộ máy kế toán* tổ chức theo mô hình tập trung của Công ty được bố trí hợp lý, chặt chẽ, hạch toán hoạt động có nề nếp với những nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc trình độ trình độ nghiệp vụ kế toán của cán bộ kế toán luôn luôn được nâng cao, các kế toán viên đều sử dụng thành thạo máy vi tính. Các nhân viên có tinh thần tương trợ lẫn nhau, trong quá trình làm việc đã có nhiều sáng tạo linh hoạt.

**\*Về hình thức sổ kế toán:** Công ty áp dụng hình thức sổ “Nhật ký chung”. Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản, dễ áp dụng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian và định khoản. Tuy nhiên hình thức này cũng có nhược điểm là khối lượng công việc ghi chép lớn do các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cùng một lúc phải ghi chép vào nhiều loại sổ khác nhau. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ đội ngũ cán bộ kế toán, tình hình trang bị phương tiện kỹ thuật trong công tác tính toán, xử lý thông tin, phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của Công ty.

**\*Về chứng từ kế toán,** kế toán đã áp dụng đầy đủ các chứng từ bắt buộc do Bộ tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/ QĐ – BTC. Quy trình luân chuyển chứng từ hợp lý và hiệu quả. Công tác lưu giữ chứng từ được các cán bộ phòng kế toán thực hiện cẩn thận và hợp lý.

**\*Về hệ thống tài khoản kế toán,** hệ thống tài khoản kế toán do Bộ tài chính ban hành theo Quyết định 15/2006/ QĐ – BTC được công ty áp dụng đầy đủ, việc mở các tài khoản chi tiết cũng rất hợp lý và khoa học.

**\*Về báo cáo kế toán:** Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

**\* Công tác thanh toán:** Công tác thanh toán nợ được đánh giá chung là tốt. Công ty thường không để dư nợ quá hạn, nợ đọng mà luôn thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn, kịp thời và đầy đủ. Trong mọi quan hệ thanh toán, công ty tận dụng chủ yếu hình thức thanh toán chuyên khoản. Đây là hình thức tiện lợi, nhanh chóng và đảm bảo. Nhìn chung, công tác quản lý và thanh toán nợ phải trả nhà cung cấp, công ty thực hiện tốt. Đây là một điểm tố tạo được uy tín đối với các nhà cung cấp, từ đó gián tiếp tạo cho quá trình kinh doanh của công ty luôn được liên tục, đáp ứng nhu cầu về vật tư thiết bị cho khách hàng ngay cả thời điểm khủng hoảng kinh tế trong năm vừa qua.

\* **Công tác thu đòi công nợ:** Để công tác thu đòi công nợ được tiến hành kịp thời, chính xác kế toán công nợ đã được phân công tiến hành kiểm soát, lập hồ sơ, lưu hồ sơ, tổ chức thu đòi công nợ một cách chặt chẽ và thường xuyên, có sự quản lý và góp ý đúng mực của bộ phận quản lý (trưởng phòng kế toán). Ngoài việc chuẩn bị hồ sơ thanh toán tốt, các cán bộ kế toán công nợ luôn có sự linh hoạt trong tìm hiểu thông tin và tiếp cận khách hàng.

### **3.1.2. Hạn chế**

Bên cạnh những ưu điểm đã đạt được công tác và tổ chức kế toán của Công ty còn gặp những khó khăn sau:

\* **Về việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng:** Công ty không tiến hành đánh giá và lập dự phòng với khoản mục phải thu khách hàng, công ty không sử dụng TK139 – Dự phòng nợ phải thu khó đòi. Mặc dù khách hàng của Công ty có hoạt động kinh doanh tương đối tốt, việc trả nợ chủ yếu là đúng hạn tuy nhiên trong nền kinh tế có nhiều biến động các khoản nợ phải thu cũng có thể gặp những rủi ro nhất định, doanh nghiệp khó có thể phản ứng kịp nếu không có sự theo dõi sát sao với các khoản mục phát sinh. Trong năm khi có các khoản nợ không thu hồi được Công ty hạch toán thẳng vào TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, điều này là không hợp lý, không phản ánh rõ được nguyên nhân phát sinh chi phí, dẫn đến cung cấp thông tin kế toán không chính xác.

- \* **Về tin học hóa công tác kế toán:** Hiện nay Công ty đã được trang bị hệ thống máy tính hiện đại giúp cho công việc kế toán được giảm đi một cách đáng kể, tuy vậy công ty chưa đưa vào sử dụng các phần mềm kế toán.

### **3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**

Doanh nghiệp phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán nói chung trong đó có công tác kế toán thanh toán để cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện nay, đây thực sự là một yêu cầu thiết yếu. Nghiệp vụ thanh toán xảy ra cả trong quá trình mua hàng và quá trình tiêu thụ, các nghiệp vụ thanh toán có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong hoạt

động của doanh nghiệp, nó góp phần duy trì sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Thông qua việc kiểm tra, tính toán, ghi chép, phân loại, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bằng hệ thống phương pháp khoa học của kế toán – chứng từ, tài khoản đối ứng, tính giá và tổng hợp cân đối kế toán – có thể biết được thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về sự vận động của tài sản, nguồn vốn. Ngoài ra các Báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong từng thời kỳ.

Bên cạnh đó, tổ chức tốt công tác hạch toán các nghiệp vụ thanh toán còn góp phần nâng cao hiệu quả công tác kế toán nói chung cũng như làm lành mạnh hóa công tác tài chính của một doanh nghiệp. Đối với các cơ quan quản lý cấp trên, việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán còn tạo ra những thông tin, số liệu chính xác phản ánh trung thực tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

### **3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**

Để có thể hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn thì các phương hướng và biện pháp đưa ra phải đảm bảo một số yêu cầu sau:

Hoàn thiện công tác kế toán phải được thực hiện dựa trên cơ sở tuân thủ các chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung và chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua các công cụ kinh tế vĩ mô, để có thể tồn tại và phát triển thì doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh phải chấp hành đầy đủ các quy định nhà nước ban hành. Doanh nghiệp phải tuân thủ chính sách chế độ kế toán thì thông tin kế toán mới thống nhất, việc kiểm tra kiểm soát của nhà nước mới có thể thực hiện được. Các thông tin kế toán được lập nên dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định này sẽ giúp cho việc thu thập thông tin kế toán có chất lượng và khoa

học, hữu ích cho quá trình phân tích, đánh giá và kiểm tra hoạt động tài chính của công ty.

Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán và người mua phải đảm bảo việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời phản ánh các hoạt động tài chính trong công ty, không để xảy ra tình trạng thông tin bị dồn ứ không cung cấp kịp thời cho nhu cầu quản trị trong nội bộ công ty cũng như những đối tượng quan tâm khác. Nếu thông tin không được cung cấp kịp thời có thể gây ảnh hưởng đến việc xử lý các tình huống xấu có thể xảy ra trong doanh nghiệp còn đối với các đối tượng quan tâm bên ngoài doanh nghiệp như ngân hàng, nhà đầu tư mà không được cung cấp thông tin kịp thời có thể công ty sẽ mất đi cơ hội đầu tư đồng thời để lại ấn tượng không tốt cho việc kinh doanh sau này.

Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng nhưng cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định. Do vậy việc hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán.

Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán muốn thực hiện được thì phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Bất cứ một giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người bán người mua nào đưa ra cũng phải tính đến những chi phí bỏ ra như chi phí lương nhân viên, chi phí tài chính và những hiệu quả mang lại từ việc áp dụng nó. Chỉ khi nào hiệu quả lớn hơn chi phí thì lúc đó phương án mới được thực hiện

Việc hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và thanh toán với người bán, người mua phải đảm bảo tuân thủ những yêu cầu trên thì mới đạt hiệu quả cao, hỗ trợ cho công tác quản trị doanh nghiệp nói chung và quản lý tài chính nói riêng.

### **3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với việc tăng cường quản lý công nợ tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn**

Trong quá trình thực tập, tìm hiểu tình hình thực tế về công tác kế toán tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn em thấy công tác kế toán tại công ty về cơ bản là ổn định, đảm bảo tuân thủ theo đúng chế độ Nhà Nước, phù hợp với điều kiện kinh tế của công ty hiện nay. Bên cạnh đó công ty cũng không tránh khỏi những mặt hạn chế, những vấn đề chưa hoàn toàn hợp lý, tối ưu. Em xin đưa ra một số kiến nghị sau:

#### **3.4.1. Kiến nghị 1: Việc tin học hóa công tác kế toán**

Tại công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao Tài sản cố định hàng tháng. Công việc kế toán được tổng hợp vào cuối tháng cho nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, công ty cần quan tâm hơn trong việc đầu tư các phần mềm kế toán cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT-BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán MISA
- Phần mềm kế toán BRAVO
- Phần mềm kế toán SAS INOVA

Khi sử dụng phần mềm kế toán, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, tiết kiệm sức lao động mà hiệu quả công việc cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản thuận lợi, an toàn hơn.

### **3.4.2. Kiến nghị 2: Về dự phòng phải thu khó đòi**

- Công ty nên tiến hành lập dự phòng phải thu khó đòi theo Thông tư 228/2009/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi.

#### **Điều 6. Dự phòng nợ phải thu khó đòi.**

1. Điều kiện: là các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng..) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

2. Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ



trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

### 3. Xử lý khoản dự phòng:

- Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm 2 Điều này; nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4. Xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi:

a) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi bao gồm các khoản nợ sau:

- Đối với tổ chức kinh tế:

+ Khách nợ đã giải thể, phá sản: Quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản hoặc quyết định của người có thẩm quyền về giải thể đối với doanh nghiệp nợ, trường hợp tự giải thể thì có thông báo của đơn vị hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập đơn vị, tổ chức.

+ Khách nợ đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả: Xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán.

- Đối với cá nhân phải có một trong các tài liệu sau:

+ Giấy chứng từ (bản sao) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ đã chết nhưng không có tài sản thừa kế để trả nợ.

+ Giấy xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ còn sống hoặc đã mất tích nhưng không có khả năng trả nợ.

+ Lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với người nợ đã bỏ trốn hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án hoặc xác nhận của chính quyền địa phương về việc khách nợ hoặc người thừa kế không có khả năng chi trả.

b) Xử lý tài chính:

Tồn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đơn vị nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác...).

Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính (nếu có) để bù đắp, phân chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và được phản ánh ở ngoài bảng cân đối kế toán trong thời hạn tối thiểu là 10 năm, tối đa là 15 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập khác.

c) Khi xử lý khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi doanh nghiệp phải lập hồ sơ sau:

- Biên bản của Hội đồng xử lý nợ của doanh nghiệp. Trong đó ghi rõ giá trị của từng khoản nợ phải thu, giá trị nợ đã thu hồi được, giá trị thiệt hại thực tế (sau khi đã trừ đi các khoản thu hồi được).

- Bảng kê chi tiết các khoản nợ phải thu đã xóa để làm căn cứ hạch toán, biên bản đối chiếu nợ được chủ nợ và khách nợ xác nhận hoặc Bản thanh lý hợp đồng kinh tế hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp, tổ chức hoặc các tài liệu khách quan khác chứng minh được số nợ tồn đọng và các giấy tờ tài liệu liên quan.

- Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được, đến

thời điểm xử lý nợ doanh nghiệp đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

d) Thẩm quyền xử lý nợ:

Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp có Hội đồng quản trị) hoặc Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp có Hội đồng thành viên); Tổng giám đốc, Giám đốc (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên) hoặc chủ doanh nghiệp căn cứ vào Biên bản của Hội đồng xử lý, các bằng chứng liên quan đến các khoản nợ để quyết định xử lý những khoản nợ phải thu không thu hồi được và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật, đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý trách nhiệm theo chế độ hiện hành.

### **3.4.3 Kiến nghị 3: Về công tác phân tích nợ.**

Công ty nên tập trung phân tích các khoản nợ, phân tích các chỉ tiêu liên quan đến quá trình thanh toán. Lập các bảng phân tích, đưa ra được các biện pháp trong công tác thanh toán cũng như việc thu hồi nợ. Việc lập bảng như vậy sẽ giúp nhà lãnh đạo có cái nhìn tổng quát nhất về công tác thanh toán của Công ty. Để phân tích tình hình thanh toán của doanh nghiệp, trước hết cần xác định các khoản phải thu và lập biểu phân tích sau đây:

Các khoản phải thu	Số cuối năm	Số đầu năm	So sánh	
			Số tiền	%
I. Các khoản phải thu ngắn hạn				
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
2. Trả trước cho người bán				
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn				
4. Phải thu ngắn hạn khác				
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi				
II. Các khoản phải thu dài hạn				
1. Phải thu dài hạn của khách hàng				
2. Trả trước cho người bán				
3. Phải thu nội bộ dài hạn				
4. Phải thu dài hạn khác				
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi				
Tổng cộng				

+ Để phân tích các khoản phải thu, trước hết cần so sánh tổng số các khoản phải thu cuối năm so với đầu năm, kể cả số tuyệt đối và số tương đối để có nhận xét chung về tình hình thanh toán của doanh nghiệp. Sau đó, cần xem xét tình hình biến động của từng khoản phải thu. Nếu tổng số các khoản phải thu cuối năm so với đầu năm mà giảm thì điều đó thể hiện sự cố gắng của doanh nghiệp trong việc đôn đốc thu hồi các khoản nợ phải thu, làm cho việc sử dụng vốn của doanh nghiệp có hiệu quả hơn, giảm bớt những khó khăn về vốn mà doanh nghiệp phải đương đầu.

- Việc phân tích các khoản phải trả của doanh nghiệp được thông qua bằng một biểu dưới đây:

Các khoản phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm	So sánh	
			Số tiền	%
I. Nợ ngắn hạn				
1. Vay và nợ ngắn hạn				
2. Phải trả người bán				
3. Người mua trả tiền trước				
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
5. Phải trả công nhân viên				
6. Chi phí phải trả				
7. Phải trả ngắn hạn nội bộ				
8. Các khoản phải trả phải nộp khác				
II. Nợ dài hạn				
1. Vay và nợ dài hạn				
2. Phải trả người bán				
3. Phải trả dài hạn nội bộ				
4. Các khoản phải trả dài hạn khác				
Tổng cộng				

+ Để phân tích các khoản phải trả, trước hết cần so sánh tổng số các khoản phải trả cuối năm so với đầu năm, kể cả số tuyệt đối và số tương đối. Nếu tổng số các khoản phải trả cuối kỳ so với đầu năm mà giảm, điều đó thể hiện doanh nghiệp đã có rất nhiều cố gắng trong việc thanh toán các khoản phải trả, làm giảm bớt khoản tiền đi chiếm dụng.

- Khi kết hợp phân tích giữa các khoản phải thu với các khoản phải trả qua bảng phân tích trên sẽ giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp có thể rút ra được những kết luận cần thiết về tình hình thanh toán cũng như tài chính của doanh nghiệp. Từ đó, có những quyết định kịp thời, hạn chế được những biến động tiêu cực tác động xấu đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **3.4.4. Kiến nghị 4: Về biện pháp quản lý, thu hồi nợ phải thu.**

- Hiện tại Công ty quản lý, hạch toán các khoản phải thu chi tiết cho từng đối tượng khách hàng, theo từng nội dung phải thu. Tuy nhiên với một Công ty có số nghiệp vụ phát sinh hằng ngày là rất nhiều, số lượng khách hàng đông cho nên việc hạch toán như vậy sẽ làm cho công tác quản lý thu hồi nợ sẽ gặp khó khăn hơn.

- Công ty nên kết hợp việc hạch toán trên cùng với việc hạch toán các khoản nợ phải thu chi tiết cho phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn và ghi chép theo từng lần thanh toán. Việc hạch toán như vậy sẽ giúp cho Công ty xác định được các khoản thu có thể trả đúng hạn, khoản nợ khó đòi hoặc có khả năng không thu hồi được. Từ đó Công ty có thể trích lập được các khoản dự phòng phải thu khó đòi và sẽ đề ra được các biện pháp xử lý đối với khoản nợ phải thu không đòi được.

- Việc quản lý thu hồi nợ phải thu chi tiết theo phải thu ngắn hạn, phải thu dài hạn sẽ giúp các nhà quản trị có cái nhìn tổng quan nhất về tình hình thanh toán của Công ty, sẽ có nhiều chính sách giúp cho tình hình tài chính của Công ty khả quan hơn trong tương lai.

#### **3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.**

##### **3.5.1. Về phía Nhà nước.**

- Kế toán là công cụ phục vụ quản lý kinh tế, gắn liền với hoạt động quản lý. Và kế toán là công cụ quản lý tài chính rất quan trọng, do vậy tuân thủ đúng chế độ tự nó sẽ tạo ra điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp cũng như về phía quản lý cấp trên. Tuy nhiên do chế độ chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp, do vậy việc vận dụng ở các đơn vị vẫn được phép vận dụng sáng tạo trong việc ghi sổ chi tiết nhưng vẫn phải trên cơ sở tôn trọng cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính.

- Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp, phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được yêu cầu cung cấp thêm thông tin kịp thời chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc nhưng vẫn mang tính khoa học.

### **3.5.2. Về phía Doanh nghiệp.**

- Để phát huy chức năng và vai trò quan trọng trong công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp, đòi hỏi phải tổ chức công tác kế toán tài chính khoa học, hợp lý nhằm cung cấp thông tin một cách kịp thời, đầy đủ và trung thực, đáp ứng yêu cầu của cơ chế quản lý nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Để phù hợp và đáp ứng các yêu cầu của cơ chế quản lý trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đòi hỏi việc tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán nói riêng trong các doanh nghiệp phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải đúng những quy định trong Luật kế toán và Chuẩn mực kế toán.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải phù hợp với các chế độ, chính sách, thể lệ văn bản pháp quy về kế toán do Nhà nước ban hành.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động quản lý, quy mô và địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải phù hợp với yêu cầu và trình độ nghiệp vụ chuyên môn của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kế toán.

+ Tổ chức công tác kế toán tài chính phải đảm bảo nguyên tắc gọn nhẹ, tiết kiệm và hiệu quả.

- Những nguyên tắc trên phải được thực hiện một cách đồng bộ mới có thể tổ chức thực hiện tốt và đầy đủ được các nội dung trong công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp.

## KẾT LUẬN

Kế toán thanh toán công nợ là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác hạch toán kế toán của mỗi doanh nghiệp. Hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác các công nợ phát sinh trong kỳ từ đó phân tích, đề ra các biện pháp thiết thực để quản lý công tác hạch toán công nợ. Đó là mục tiêu mà mọi doanh nghiệp đều hướng tới, là nhân tố quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Vì vậy, hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán công nợ tại Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn là thật sự cần thiết.

Khóa luận đã đề cập những vấn đề lý luận chung và đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán công nợ tại Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.

Về lý luận: Khóa luận đã hệ thống hóa lý luận chung về công tác kế toán hạch toán công nợ trong các doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Khóa luận phản ánh trung thực, khách quan về thực trạng công tác kế toán thanh toán công nợ tại công ty với số liệu năm 2012 minh chứng cho các lập luận đưa ra.

Sau khi đánh giá công tác tổ chức kinh doanh, tổ chức quản lý, tổ chức công tác kế toán, đặc biệt đi sâu đánh giá công tác kế toán thanh toán công nợ, khóa luận đã đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán công nợ tại Công ty Cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn.

Tuy nhiên, dưới góc độ là một sinh viên thực tập chưa có nhiều kinh nghiệm, trình độ nhận thức còn hạn chế nên trong bài viết của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô giáo để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thầy giáo - Thạc sỹ Nguyễn Đức Kiên, cảm ơn các cô, các anh, chị trong phòng kế toán của Công ty cổ phần thương mại vận tải Hoàng Sơn cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

**Sinh viên  
Nguyễn Thị Hương Trang**